



**BẢN TIN**

# **KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ**

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG**

ISSN 1859 - 0268

SỐ 06/2021

**TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỚI CÁC VIỆN, TRƯỜNG  
NHÀM THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**



- Tháng 12/2021 -



# SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ AN GIANG

Nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang thành lập Sàn Giao dịch công nghệ An Giang (ATTE) có địa chỉ tại:

<https://atte.vn>

Các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất có thể đăng ký thành viên (miễn phí) để mua hoặc bán thiết bị, công nghệ trên Sàn Giao dịch công nghệ An Giang.

Đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tại An Giang khi mua thiết bị, công nghệ mới có thể nhận được kinh phí hỗ trợ không hoàn lại theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang.

The screenshot displays the ATTE website interface. At the top, there is a banner for the 'SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG' (An Giang Science and Technology Department) and 'TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ' (Advanced Science and Technology Application Center). The main header features the ATTE logo and the text 'SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ AN GIANG' (An Giang Technology Transfer and Exchange Platform). A navigation menu on the left lists various technology categories such as 'Cơ khí - Chế tạo máy', 'Nông - Lâm - Thủy sản', 'Chế biến thực phẩm - Đồ uống', 'Điện - Điện tử - Tự động hóa', 'Công nghệ thông tin - Viễn thông', 'Y tế - Dược phẩm', and 'Lĩnh vực khác'. The main content area is divided into 'TIN TỨC SÀN' (Market News) and 'SỰ KIỆN SÀN' (Market Events). Below this, there are sections for 'THIẾT BỊ/ CÔNG NGHỆ CHÀO BÁN' (Technology for Sale) and 'Chào bán mới nhất' (Latest for Sale). The 'Chào bán mới nhất' section lists several items for sale, including a 'Máy ủ phân hữu cơ siêu nhanh RCM-200', 'Camera hội nghị Jabra Panacast 20 thông minh độc đáo', 'Máy xay giò chả công nghiệp 15kg 2 lớp', and 'Máy xay thịt làm giò 10kg 2 lớp'. The 'Thiết bị/ Công nghệ chào bán' section shows a grid of various industrial and laboratory equipment, such as 'Máy trộn lập phương 2 gói', 'Tủ sấy tiệt trùng', 'Dây chuyền sản xuất gạch không nung tự động TPC-B1209', 'Máy dẫn nhãn GL-08', 'Máy dẫn nhãn màng seal bán tự động', 'Máy nghiên tam thất', 'Máy phồng màng co SPC-150B', and 'Máy co màng BS-400'. A banner at the bottom right of the screenshot reads 'Bản tin KHOA HỌC AN GIANG' (An Giang Science News).

Giao diện website <https://atte.vn>

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ

Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang

Địa chỉ: 17 Lê lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Điện Thoại: (0296) 3954306 - (0296) 3954305 - (0903 686 698 - Thái Kha)

Email: [trungtamkhenag@gmail.com](mailto:trungtamkhenag@gmail.com)



ISSN 1859 - 0268

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**ThS. TĂNG PHÚ AN**

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:

**ThS. LÊ QUỐC CƯỜNG**

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:

**ThS. TRẦN PHÚ VINH**

Thư ký:

**KS. HÀ THỊ MỸ TRANG**

Biên tập viên:

**ThS. ĐẶNG THỊ TIẾP THU**

**ThS. TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH**

**KS. TRƯƠNG BẢO QUỐC**

**KS. TRƯƠNG TUẤN KIẾT**

Trình bày

**NGÔ THỊ XUÂN**

Tòa soạn:

Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa,  
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305

✉ bantinkhcnag@gmail.com

In 550 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty CP In An Giang.  
Giấy phép xuất bản số 02/GP-XBBT ngày 27/01/2021  
của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang.  
In xong nộp lưu chiểu tháng 12/2021.

## MỤC LỤC

Trang

### VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH

1. Thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 2
2. Nghị Quyết Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh An Giang 4
3. Quyết định phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nhãn hiệu chứng nhận "AN GIANG" đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và có tiềm năng 5
4. Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới hoạt động đo lường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập 6

### KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

5. Một số kết quả nội bật hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2021 7
6. Một số giải pháp phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang do tác động bởi dịch bệnh Covid-19 năm 2022 và định hướng những năm tiếp theo 12
7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ góp phần tăng giá trị sản xuất trên địa bàn tỉnh An Giang 17
8. Kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giữa Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ với 11 huyện, thị, thành ủy giai đoạn 2021 - 2025 22
9. Thu thập, bảo tồn và nhân giống một số cây trồng tỉnh An Giang 24
10. Nghiên cứu quy trình nuôi trồng và đánh giá hoạt tính sinh học của các giống lan gấm (*anoectochilus sp.*) Phát triển tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang 28
11. Kết quả thực hiện dự án khoa học và công nghệ Ứng dụng thiết bị gieo hạt lúa theo cụm tại huyện Tịnh Biên và Phú Tân tỉnh An Giang 31

### TIN TỨC

12. Kết quả mô hình khảo nghiệm một số giống đậu phộng vụ Thu Đông 2021 tại xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên 33
13. Kết quả khảo sát chất lượng đối với mặt hàng dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường An Giang năm 2021 35
14. Nghiên cứu quy trình chế biến đa dạng hóa một số sản phẩm từ nước thốt nốt 36
15. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng năm 2021 37
16. Hội thảo quốc gia về "Định hướng nội dung hoạt động đề án Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021 - 2025" 39

#### DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNSH	Công nghệ sinh học	NHCN	Nhãn hiệu chứng nhận
ĐMST	Đổi mới sáng tạo	NNCNC	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	SHCN	Sở hữu công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ	SHTT	Sở hữu trí tuệ
KT-XH	Kinh tế - xã hội	UBND	Ủy ban nhân dân

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ:****THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030**

**N**gày 18/6/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BKHHCN về việc Hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Thông tư). Thông tư có 05 chương, 20 điều, với các nội dung chính như sau:

Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: Thông tư quy định hướng dẫn việc quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình); áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia, thực hiện, quản lý Chương trình.

Về tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ thuộc Chương trình được quy định tại các điều 6, điều 7, điều 8 và điều 9, cụ thể như sau: <sup>(1)</sup>Nhiệm vụ xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ quốc gia; <sup>(2)</sup>Nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có giá trị gia tăng trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường; <sup>(3)</sup>Nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới công nghệ; <sup>(4)</sup>Nhiệm vụ đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động đổi mới công nghệ tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Về việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình được quy định như sau:

(1) Đề xuất, xác định nhiệm vụ: trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt danh mục nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN.

(2) Tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ: nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

(3) Thẩm định kinh phí nhiệm vụ: nguyên tắc, trình tự, biểu mẫu, nội dung làm việc của Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ và phê duyệt nhiệm vụ thực hiện theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

(4) Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ: mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

(5) Kiểm tra, đánh giá định kỳ, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong



quá trình thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- (6) Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ: trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- (7) Đăng ký, lưu giữ, xử lý tài sản, quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ: việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; việc xử lý tài sản, giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hiện hành có liên quan.

Ngoài ra, Thông tư còn hướng dẫn Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khác triển khai định kỳ nhằm hỗ trợ phát triển đổi mới công nghệ.

Về Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn: ngân sách nhà nước; vốn của các tổ chức, doanh nghiệp; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/8/2021 và thay thế Thông tư số 09/2013/TT-BKHHCN ngày 15/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng

dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020. Thông tư được ban hành theo hướng đơn giản hóa thủ tục và tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, đơn vị nhất là các doanh nghiệp tham gia Chương trình. Theo đó, một số biểu mẫu, quy định đã được đơn giản hóa, một số nội dung mới có tính đột phá đã được đưa vào Thông tư và được Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp đồng tình như: “Sau khi có Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, doanh nghiệp được triển khai các nội dung thuộc kinh phí đối ứng ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện dự án”.

Bên cạnh đó, nội dung phân công trách nhiệm đơn vị quản lý nhiệm vụ của Chương trình là Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ; đơn vị quản lý kinh phí là Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia theo hướng thống nhất một đầu mối và đơn giản hóa thủ tục cho các đơn vị tham gia. Cụ thể, đơn vị quản lý nhiệm vụ sẽ chủ trì thực hiện kêu gọi, tiếp nhận, tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổ chức xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí nhiệm vụ; ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; xác nhận khối lượng công việc; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng các nhiệm vụ thuộc Chương trình; đơn vị quản lý kinh phí phối hợp thực hiện các nội dung trên và chủ trì quản lý kinh phí Chương trình, xác nhận kinh phí, cấp kinh phí, kiểm tra định kỳ, điều chỉnh kinh phí và thanh quyết toán nhiệm vụ./.

**Phòng Quản lý chuyên ngành**  
Sở KH&CN An Giang

*(Nguồn: Thông tư số 06/2021/TT-BKHHCN ngày 18/6/2021 của Bộ KH&CN)*

**TỈNH AN GIANG:**

## **NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

**N**gày 28/10/2021, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X kỳ họp thứ 4, đã ban hành Nghị Quyết số 16/NQ-HĐND Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong đó, Nghị quyết đã cụ thể một số định mức chi như sau:

1. Nội dung và mức chi họp của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh: Chủ tịch Hội đồng 500.000đ/buổi họp; Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký, thành viên (gồm chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến) 200.000đ/buổi họp; các thành phần khác tham gia Hội đồng theo Quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến 100.000đ/người/buổi họp.

Đối với Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở: Chủ tịch Hội đồng 300.000đ/buổi họp; Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký, thành viên (gồm chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến) 150.000đ/buổi họp; các thành phần khác tham gia Hội đồng theo Quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến 80.000đ/người/buổi họp.

2. Nội dung và mức chi phổ biến sáng kiến: thực hiện các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm) ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản chi phí thuê mặt bằng; chi phí vận chuyển và thiết kế, dàn dựng gian hàng, chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức. Mức hỗ trợ 08 triệu đồng/01 đơn vị tham gia.

Tổ chức hội nghị hội thảo để hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, công bố,

phổ biến áp dụng rộng rãi các sáng kiến thì thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh và các văn bản quy định khác có liên quan.

3. Nội dung và mức chi khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo: tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tuần lễ sáng kiến quốc gia, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, thông tin tuyên truyền về các tổ chức cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo thì thực hiện theo các quy định hiện hành. Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí cho các tổ chức cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tạo ra và áp dụng sáng kiến thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để nghiên cứu phát triển và hoàn thiện áp dụng sáng kiến thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản quy định khác có liên quan.

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý; nguồn kinh phí của các doanh nghiệp để thực hiện hoạt động sáng kiến của doanh nghiệp; kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Nghị quyết được ban hành và có hiệu lực từ ngày 08/11/2021./.

**Nguyễn Duy**

*Thanh tra, Sở KH&CN An Giang*

*(Nguồn: Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh An Giang)*

TỈNH AN GIANG:

## QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “AN GIANG” ĐỐI VỚI SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC BẢO HỘ VÀ CÓ TIỀM NĂNG

**N**gày 08/11/2021, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển NHCN An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Mục tiêu của kế hoạch nhằm đẩy mạnh xây dựng và phát triển NHCN “AN GIANG” đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có khả năng cạnh tranh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nhằm tăng khả năng mở rộng thị trường trong và ngoài nước để trở thành nhãn hiệu đáng tin cậy, được ưa chuộng trên toàn quốc; tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, nâng cao thu nhập của người dân vùng sản xuất kinh doanh góp phần phát triển KT-XH địa phương.

Từ nay đến năm 2025, tuyên truyền NHCN “AN GIANG” trở thành dấu hiệu tạo lòng tin đối với người tiêu dùng về độ an toàn và chất lượng đối với sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang; in tối thiểu 300.000 tem NHCN “AN GIANG” cấp đơn vị được trao quyền sử dụng; thiết kế 150 gói quà, 500 túi quà, giỏ quà, 2.000 tờ bướm, 2.000 tờ rơi, 20.000 sổ tay... cho NHCN “AN GIANG”; đăng ký bảo hộ NHCN “AN GIANG” ra nước ngoài; quảng bá NHCN “AN GIANG” trên các phương tiện thông tin đại chúng, website...; xúc tiến các sản phẩm mang NHCN “AN GIANG” vào các siêu thị: Coopmart, Mega, Bách hóa xanh, Big C...; tham gia ít nhất 03 sự kiện trong nước và nước ngoài với mục đích quảng bá sản phẩm được

gắn NHCN “AN GIANG” là sản phẩm an toàn và chất lượng.

Đến cuối năm 2025, giao các đơn vị đã được trao quyền sử dụng NHCN “AN GIANG” về phương thức quản lý và khai thác. Từ năm 2021 - 2022: Sửa đổi bổ sung Quy chế sử dụng NHCN “AN GIANG” và bổ sung sản phẩm để nộp hồ sơ đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ; Được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký NHCN bổ sung cho các sản phẩm khác, đồng thời được Cục Sở hữu trí tuệ chấp thuận cấp riêng giấy chứng nhận đăng ký NHCN cho sản phẩm có thị trường xuất khẩu ra nước ngoài (như cá tra, gạo, xoài) phù hợp theo quy định khi đăng ký bảo hộ nước ngoài; cấp quyền sử dụng NHCN ít nhất 10 - 15 tổ chức, cá nhân; duy trì pháp lý 04 trụ bảng pano đã lắp đặt quảng bá về NHCN “AN GIANG”, đồng thời bảo trì, bảo dưỡng các pano và phân công đơn vị quản lý (tiến tới giao địa phương đã được lắp đặt pano quản lý).

Đến năm 2030, tiếp tục xây dựng và phát triển NHCN “AN GIANG” đối với các sản phẩm được bảo hộ và bổ sung thêm sản phẩm khác có tiềm năng phát triển của tỉnh (nếu có). Tiến tới giao quyền in tem NHCN “AN GIANG” cho đơn vị được trao quyền sử dụng.

Để đạt được các mục tiêu trên, kế hoạch đề ra 08 nội dung và giải pháp thực hiện, bao gồm: tổ chức tuyên truyền NHCN “AN GIANG” là dấu hiệu để người tiêu dùng trên thị trường nhận biết nguồn gốc là sản phẩm tỉnh An Giang trên cơ sở áp dụng những quy trình,

*(xem tiếp trang 30)*

**SỞ KH&CN AN GIANG:**

## **KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 2388/QĐ-UBND CỦA UBND TỈNH VỀ VIỆC TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐO LƯỜNG NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ HỘI NHẬP**

**S**ở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 về việc Phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang. Thực hiện Quyết định số 510/QĐ-BKHCN ngày 17/3/2021 về ban hành “Hướng dẫn xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp”. Ngày 02/4/2021, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang ban hành Kế hoạch số 27/KH-SKHCN phân công nhiệm vụ cho các phòng và đơn vị trực thuộc về tổ chức thực hiện Quyết định số 2338/QĐ-UBND. Cụ thể việc tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế như sau:

Đối tượng tham gia là các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng phương tiện đo và hàng đóng gói sẵn trên địa bàn tỉnh; tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và các phòng thí nghiệm được công nhận cho các lĩnh vực đo lường trên địa bàn tỉnh; cơ quan nhà nước về đo lường, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

\* Thời gian thực hiện hàng năm bắt đầu từ 2021 đến năm 2030.

\* Mục tiêu: tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực bảo đảm đạt được ít nhất một trong các mục tiêu sau:

- Tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, nhân công, giảm thất thoát, giảm giá thành sản phẩm, dịch vụ;

- Tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

- Kiểm soát phát thải ra môi trường; bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp để tham gia chuỗi cung cấp sản phẩm, hàng hóa toàn cầu.

\* Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa như sau:

- Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, xây dựng phương pháp đo;

- Hỗ trợ tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn tỉnh đáp ứng Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá các lĩnh vực đo lường;

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong quá trình sản xuất theo quy định pháp luật hiện hành;

*(xem tiếp trang 16)*



## MỘT SỐ KẾT QUẢ NỘI BẬT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021

Nguyễn Thanh Tùng

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

**T**ong năm 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không ít đến tiến độ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, một số nhiệm vụ trễ hạn do chưa tổ chức được Hội thảo tổng kết và hoàn thiện hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp tỉnh. Tuy nhiên, nhìn chung công tác quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh thực đảm bảo theo Kế hoạch năm được phê duyệt, nhiều hoạt động được tăng cường và đạt được nhiều kết quả khả quan. Nội bật là:

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 04 văn bản vi phạm pháp luật<sup>1</sup>, 06 Quyết định, kế hoạch triển khai các chương trình, kế hoạch của cấp trên<sup>2</sup>. UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tổ chức Tổng kết 35 năm hoạt động KH&CN giai đoạn 1986 - 2020 (Do dịch bệnh Covid-19 nên không tổ chức tổng kết, nhưng đã thực hiện xong Báo cáo tổng kết 35 năm hoạt động KH&CN giai đoạn 1986 - 2020; phát hành Bản tin khoa học và công nghệ An Giang số đặc biệt và đang in kỷ yếu 35 năm hoạt động KH&CN).

- Phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh triển khai 47 nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn tỉnh (trong đó: 01 đề tài KH&CN cấp quốc gia; 03 dự án nông thôn miền núi; 17 đề tài KH&CN cấp tỉnh, 26 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở). Bên cạnh đó, trong năm đã tổ chức nghiệm thu 01 dự án nông thôn miền núi; 10 đề tài KH&CN cấp tỉnh; 23 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Các kết quả nghiên cứu tập trung xác định được thành phần hóa học và tác dụng

sinh học của một số bài thuốc gia truyền và các đối tượng dược liệu trên địa bàn tỉnh An Giang, chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp, các mô hình nông nghiệp đô thị và NNCNC, quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản (cá trên bầu, rô phi), bảo quản và chế biến các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc hữu (trái xoài, trái trám, dưa lưới, măng tây, chuối, cá lóc, cua đồng...). Đồng thời, đã chuyển giao các mô hình, quy trình sản xuất hiệu quả tiên tiến như mô hình nuôi cá bống tượng, mô hình sản xuất gạch không nung...

- Thực hiện Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang: hỗ trợ triển khai thực hiện 07 dự án thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp, trong đó có 06 dự án<sup>3</sup> sản xuất thử nghiệm, 01 dự án<sup>4</sup> đổi mới công nghệ. Gia hạn thời gian thực hiện 02 dự án<sup>5</sup> và dừng thực hiện 01 dự án<sup>6</sup>; tổ chức hội đồng nghiệm thu 05 dự án<sup>7</sup>, xét duyệt nội dung 05 dự án, quyết định nghiệm thu 04 dự án.

- Hoạt động KH&CN cấp huyện cũng được quan tâm tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể: đã tổ chức tổng kết hoạt động KH&CN huyện, thị và thành phố giai đoạn năm 2016 - 2020 và định hướng hoạt động giai đoạn 2021 - 2025; Sở Khoa học và Công nghệ đã ký kế hoạch hợp tác với 11 huyện, thị, thành để tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, đã đề xuất 13



Mô hình trình diễn sản xuất giống cá chạch lấu

nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; Tổ chức chuyên gia kết quả nghiên cứu đề tài cho huyện An Phú “Bảo tồn nguồn lợi thủy sản khu vực Búng Bình Thiên kết hợp phục vụ phát triển du lịch” và huyện Chợ Mới kết quả đề tài “nghiên cứu đa dạng hóa các sản phẩm chế biến từ xoài tại tỉnh An Giang”.

- Hoạt động cấp phép trên các lĩnh vực KH&CN thực hiện đảm bảo theo quy trình, thủ tục quy định và cũng được các tổ chức quan tâm hơn trong việc đăng ký hoạt động KH&CN, đặc biệt là đối tượng doanh nghiệp, cụ thể: cấp 03 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN; 04 giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh cho các tổ chức; 18 giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; cấp 14 giấy phép, gia hạn 05 giấy phép và sửa đổi bổ sung 01 giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp 10 chứng chỉ nhân viên bức xạ. Ban hành 03 Quyết định phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố an toàn bức xạ của Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh An Giang; Phòng khám Đa khoa Mỹ Thạnh.

- Thực hiện Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Kế

hoạch xây dựng NHCN An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến 2030: Cấp 15.000 tem NHCN An Giang cho hộ kinh doanh Anas; 5.000 tem NHCN An Giang cho Hộ kinh doanh Hòa Kiều; 5.000 tem NHCN An Giang cho Công ty TNHH Sản xuất và Mua bán Nông sản FRESH MEKONG (Chợ Mới); 02 Quyết định trao quyền sử dụng NHCN An Giang cho 02 doanh nghiệp

- Triển khai Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang từ nay đến năm 2020: Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ 03 nhãn hiệu.

- Thực hiện 02 cuộc thanh tra chuyên ngành và 01 cuộc thanh tra hành chính và phòng chống tham nhũng (Cuộc thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và việc sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế; cuộc thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng dầu); thực hiện 01 cuộc kiểm tra về đo lường phương tiện đo nhóm 2 là tiêu cự kính mắt đối với 12 hộ kinh doanh mắt kính trên địa bàn tỉnh; thực hiện 06 cuộc khảo sát chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường đối với 85 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn động cơ đốt trong, trà và cà phê.

- Thực hiện Kế hoạch số 656/KH-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp thống nhất thu thuế mặt hàng xăng dầu: Thực hiện dán 237 tem cho 79 công tơ tổng của 34 tổ chức kinh doanh xăng dầu theo danh sách đề nghị của Cục thuế tỉnh An Giang.

- Tiếp nhận 02 hồ sơ: 01 hồ sơ công bố hợp chuẩn của Công ty TNHH Tân Kỳ đối với sản phẩm gạch bê tông và 01 hồ sơ công bố hợp quy của Công ty TNHH Tiến Bộ (khu công nghiệp Bình Hòa, Châu Thành, An Giang) đối với sản phẩm thép cuộn.

- Hướng dẫn 02 hồ sơ: 01 hồ sơ công bố hợp chuẩn của Công ty Cổ phần Dược phẩm AGIMEXPHARM (khu công nghiệp Bình Hoà, Châu Thành, An Giang) đối với sản phẩm nước rửa chén hương chúc (Nhãn hiệu Chúc Xanh) và 01 hồ sơ công bố hợp quy của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Nhà Đẹp đối với sản phẩm thép làm cốt bê tông.

- Thực hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và TCVN ISO 9001:2015 vào các cơ quan hành chính nhà nước tại An Giang: Tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Kế hoạch, Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang và hỗ trợ Ban Dân tộc, Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo, Chi cục Văn thư - Lưu trữ; Chi cục Quản lý Đất đai thực hiện xây dựng, áp dụng và công bố HTQLCL) phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Cập nhật 120 tin lên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ An Giang. Phối hợp với Báo An Giang đăng 13 bài viết tuyên truyền về những kết quả nổi bật về KH&CN; cập nhật 19 nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành năm 2021 và 101 báo cáo thông tin kết quả ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN lên Hệ thống thông tin KH&CN quốc gia; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang thực hiện 11 phóng sự KH&CN.

- Hoạt động tư vấn và dịch vụ của 02 đơn vị sự nghiệp trong năm được tổ chức thực hiện khá tốt, ngày một đa dạng về sản phẩm, tăng trưởng về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt cho tổ chức và cá nhân. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN ước đạt 80% so với kế hoạch



*Hội đồng xét duyệt đề cương dự án "Hỗ trợ công nhận lưu hành giống lúa được chọn tạo ở tỉnh An Giang"*

năm 2021; Trung tâm Công nghệ sinh học ước đạt 50% so với kế hoạch năm 2021.

- Tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN năm 2021 là 50.998 triệu đồng (chuyển nguồn năm 2020 sang 2021 là 20.448 triệu đồng). Thực hiện giải ngân trong năm 2021 là 35.129 triệu đồng, đạt 68,9% kế hoạch năm;

- Tổng kinh phí đầu tư phát triển phân bổ năm 2021: 12.532 triệu đồng, kinh phí giảm trong năm 12.000 triệu đồng, kinh phí được sử dụng 532 triệu đồng. Kinh phí thực hiện 237,4 triệu đồng, đạt 44,6% kế hoạch vốn.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong năm 2021, hoạt động KH&CN năm 2022 sẽ tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ sau:

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 28/02/2013 của Tỉnh ủy về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng,



đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số NHCN An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2030; Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về việc phê duyệt Chương trình Phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền về KH&CN phục vụ định hướng phát triển của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang đến năm 2025; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển NHCN An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường rà soát tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành văn bản thay thế, sửa đổi bổ sung văn bản đã hết hiệu lực và chồng chéo; cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý và triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường thu thập các ý tưởng đề xuất nghiên cứu từ các công ty, doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa nhà khoa học và doanh nghiệp, nhà khoa học và địa phương trong

thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng KH&CN của doanh nghiệp và địa phương. Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hoạt động nghiên cứu KH&CN, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và các ngành sản xuất dựa trên đổi mới công nghệ, ứng dụng và phát triển công nghệ cao có giá trị gia tăng cao.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Có chính sách hỗ trợ các tổ chức KH&CN có cam kết phối hợp hoàn thiện và thương mại hoá kết quả nghiên cứu gắn với chương trình khởi nghiệp, ĐMST.

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hướng dẫn về việc đăng ký mã số, mã vạch và hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, chế biến trên các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng của tỉnh nhằm tăng cường năng suất, chất lượng, tạo các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về KH&CN ở cấp tỉnh, các sở ngành và với 11 huyện, thị, thành phố để tăng cường nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong Chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025; kiểm tra, giám sát chặt chẽ các nhiệm vụ KH&CN để kịp thời nhắc nhở những chủ nhiệm đề tài triển khai thực hiện còn chậm tiến độ.

- Đẩy mạnh phát triển các tổ chức, doanh nghiệp và nguồn nhân KH&CN./.

**Chú thích:**

<sup>1</sup> (1) Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 của UBND tỉnh An Giang; (2) Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang; (3) Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang; (4) Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025.

<sup>2</sup> (i) Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 về việc tiếp tục thực hiện nội dung “Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” tại Quyết định số 1965/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 14/8/2018 cho đến khi UBND tỉnh ban hành Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn đến năm 2030; (ii) Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về việc phê duyệt Chương trình Phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2030; (iii) Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền về khoa học và công nghệ phục vụ định hướng phát triển của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025; (iv) Ban hành kế hoạch triển khai kế Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025; (v) Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang; (vi) Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển nhãn hiệu chứng nhận An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; (vii) Quyết định 1406/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 của UBND tỉnh AG về ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025.

<sup>3</sup> (i) Sản xuất rau thủy canh VietGAP tại thành phố Long Xuyên, (ii) Ứng dụng hệ thống tưới tự động trong mô hình trồng dâu tằm lấy quả đạt tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Phú Tân, (iii) Ứng dụng quy trình sản xuất giống cá chạch lấu (*Mastacembelus favus*) theo quy mô nông hộ, (iv) Nhân rộng mô hình trồng nấm rơm từ nguyên liệu 50% rơm phối trộn 50% lục bình, (v) Nhân rộng mô hình nhà màng ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt vào sản xuất dưa lưới TL3 tại thành phố Châu Đốc; (vi) Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm trồng cam xoàn theo hướng VietGAP điều khiển từ smartphone tại huyện An Phú.

<sup>4</sup> Ứng dụng thiết bị gieo hạt theo bụi vào sản xuất lúa tại huyện Tri Tôn, Tịnh Biên và Thoại Sơn tỉnh An Giang,

<sup>5</sup> (i) Ứng dụng quy trình sản xuất giống cá chạch lấu (*Mastacembelus favus*) theo quy mô nông hộ tại tỉnh An Giang và (ii) Sản xuất rau thủy canh VietGAP tại thành phố Long Xuyên

<sup>6</sup> Xây dựng mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ có ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất đậu phộng, do đã hết thời gian triển khai dự án, được UBND tỉnh đồng ý tại Công văn số 973/VPUBND-KTN

<sup>7</sup> (i) Ứng dụng hệ thống chuồng kín trong chăn nuôi gà thịt an toàn sinh học tại huyện Châu Phú và (ii) Đầu tư ứng dụng hệ thống điện mặt trời vào hoạt động của trụ sở Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang, (iii) Nhân rộng mô hình nhà màng ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt vào sản xuất dưa lưới TL3 tại thành phố Châu Đốc, (iv) Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm trồng cam xoàn theo hướng VietGAP điều khiển từ smartphone tại huyện An Phú; (v) Ứng dụng thiết bị gieo hạt lúa theo cụm tại huyện Tịnh Biên và Phú Tân tỉnh An Giang (KS. Lê Ngọc Linh chủ nhiệm, Trung tâm Khuyến nông An Giang chủ trì).

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH AN GIANG DO TÁC ĐỘNG BỞI DỊCH BỆNH COVID-19 NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

TS. Mai Thị Ánh Tuyết

Phó Chủ tịch Liên Hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật

**D**ại dịch Covid-19 tác động lớn đời sống, ảnh hưởng tiêu cực tới nền kinh tế và an toàn sức khỏe, tính mạng, đời sống của con người và dịch bệnh diễn biến không thể trở lại trạng thái “không còn dịch”. Do đó, việc nghiên cứu các giải pháp phục hồi và phát triển KT-XH của địa phương cũng như cả nước cần xác định bối cảnh, tình hình mới xoay quanh các chủ thể trực tiếp chịu sự tác động dịch Covid-19 là vấn đề sản xuất kinh doanh - dịch vụ, doanh nghiệp và người lao động. Trong phạm vi bài viết chỉ tập trung phân tích và đề xuất một số giải pháp phục hồi và phát triển KT-XH tỉnh An Giang năm 2022 do tác động dịch Covid-19 và các năm tiếp theo dưới phạm vi KT-XH.

Trong bối cảnh thay đổi do tác động của dịch bệnh đòi hỏi việc thực hiện phục hồi và phát triển KT-XH tỉnh An Giang cần có những giải pháp trước mắt bao gồm giải pháp phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ để tạo động lực mới cho các đối tượng chịu tác động lớn do dịch bệnh (Sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và người lao động) cùng với các giải pháp lâu dài nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng thích ứng với tình hình mới. Cụ thể như sau:

## 1. Về sản xuất - kinh doanh - dịch vụ:

Dại dịch Covid-19 diễn ra đã làm thay đổi nhận thức, tập quán, sinh hoạt của người tiêu

dùng và tiêu dùng hướng đến bền vững. Do đó, vai trò quản lý nhà nước cũng như nhận thức của doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh thích ứng trong bối cảnh mới và hướng đến bền phát triển bền vững.

Khảo sát mới đây của Viện nghiên cứu Giá trị doanh nghiệp thuộc IBM đối với 14.000 người đến từ 9 quốc gia cho biết, 90% người được khảo sát trả lời rằng, Covid-19 đã làm thay đổi cách nhìn của họ về các vấn đề liên quan đến môi trường và tiêu dùng bền vững. Mức độ sẵn sàng thay đổi hành vi cũng thay đổi rõ rệt khi 55% người tiêu dùng cho biết, tính bền vững là yếu tố rất quan trọng hoặc cực kỳ quan trọng khi lựa chọn thương hiệu. 62% người tiêu dùng cũng sẵn sàng thay đổi hành vi mua hàng để giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường. Do đó, cần nghiên cứu sâu những thay đổi này để có giải pháp trước mắt cũng như lâu dài của tỉnh An Giang và từng ngành từng địa phương có những kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương để thực hiện thích ứng tình hình mới.

Thực tế theo kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy hiện nay việc sản xuất và tiêu dùng theo hướng bền vững với cách tiếp cận vòng đời sản phẩm (LCA) để phân tích các tác động của các sản phẩm và dịch vụ với sự tham gia của tất cả các bên liên quan và trong tất cả các



giai đoạn sản xuất và tiêu dùng thông qua sự tin nhiệm, hiệu ứng của người tiêu dùng về chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm và hướng đến sản xuất, tiêu dùng bền vững. Do đó, sản xuất và tiêu dùng bền vững cũng gắn liền với sự lựa chọn quỹ đạo phát triển. Việc sản xuất và tiêu dùng bền vững cần tập trung vào 09 nội dung là: <sup>(1)</sup>Quản lý tài nguyên, <sup>(2)</sup>Thiết kế có tính bền vững, <sup>(3)</sup>Tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn, <sup>(4)</sup>Nhân sinh thái và Chứng nhận, <sup>(5)</sup>Mua sắm bền vững, <sup>(6)</sup>Tiếp thị bền vững, <sup>(7)</sup>Giao thông bền vững, <sup>(8)</sup>Lối sống bền vững, <sup>(9)</sup>Quản lý chất thải.

Việc chuyển đổi nhận thức của người tiêu dùng về các giá trị bền vững sau sự xuất hiện của dịch bệnh, nhưng có thể thấy, tiêu dùng bền vững đang ngày càng được quan tâm hơn trong cộng đồng người tiêu dùng và cả doanh nghiệp (DN). Đặc biệt, sự kiện Ngày Quyền người tiêu dùng Việt Nam năm 2021 với chủ đề “Kinh doanh lành mạnh - Tiêu dùng bền vững trong thời kỳ bình thường mới” đã thúc đẩy mạnh mẽ các giá trị bền vững trong chính sách kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như trong tiêu dùng.

Hiện nay, Chính phủ đang tiếp tục ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh cùng chính sách hỗ trợ người lao động và tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh doanh trong tình hình mới để doanh nghiệp có thể yên tâm hoạt động. Do đó, tỉnh cần phân công trách nhiệm cụ thể cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, tháo gỡ, đề xuất để tháo gỡ kịp thời những chính sách đang rất cần cho các đối tượng bị tác động lớn do dịch bệnh.

Đồng thời cần tính toán gói kích cầu, tăng cường đầu tư công. Trong đó, đầu tư công có trọng tâm, trọng điểm, đặc biệt ở lĩnh vực nông

nghiệp, thủy sản, du lịch, chế biến chế tạo, các hạ tầng giao thông, thủy lợi, nông thôn... Bởi lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản có hiệu ứng liên kết cao, do đó sẽ có nhiều ngành nghề được hưởng lợi, giải phóng sức sản xuất cho DN nội địa.

## 2. Đối với doanh nghiệp và người lao động:

Đại dịch Covid-19 đã gây ra những tác động rất lớn tới doanh nghiệp và người lao động ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Các ngành bị ảnh hưởng nhiều nhất lại là các ngành sử dụng nhiều lao động như du lịch và lưu trú, hàng không, bán lẻ, và các ngành chế tạo xuất khẩu như dệt may, da giày, chế biến gỗ, điện tử và chế biến thực phẩm. Các DN vừa và nhỏ và hộ kinh doanh gia đình cũng là nhóm bị tác động đầu tiên của đại dịch. Theo khảo sát của Ban tư vấn phát triển kinh tế tư nhân của Thủ tướng (Ban IV), 74% DN có nguy cơ phá sản nếu đại dịch kéo dài trên 6 tháng ở Việt Nam. Đến giữa tháng 4 năm 2020, tỉnh An Giang 9 tháng đầu năm 2021 chỉ có 415 DN đăng ký mới nhưng có 71 DN giải thể và hơn 233 DN tạm ngừng hoạt động và năng lực DN bị ảnh hưởng rất lớn, nguy cơ phá sản cao nên rất cần sự hỗ trợ của các chính sách nhà nước.

Hiện nay DN, cơ sở kinh tế đang đứng trước rất nhiều khó khăn như: chi phí thuê mặt bằng tăng, giá nguyên vật liệu tăng cao do vận chuyển khó khăn, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, thiếu hụt nguồn lao động... Trong đợt dịch vừa qua, các DN vừa và nhỏ là đối tượng chịu thiệt hại nặng nề nhất và họ cũng mất nhiều thời gian hơn để phục hồi. Từ đó, hỗ trợ DN, hộ kinh doanh phát triển, phục hồi sản xuất trong giai đoạn bình thường mới là rất cấp thiết sớm thực hiện các giải pháp hỗ trợ DN sản xuất duy

trì sản xuất, lưu thông hàng hoá thuận lợi, kết nối loại chuỗi cung ứng. Đồng thời, cần nhanh chóng thực hiện ba nhóm giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế gồm: Tháo gỡ khó khăn cho DN và tích cực thực hiện các chính sách của Chính phủ và địa phương ban hành; thực hiện chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ người lao động; hoàn thành tiêm vaccine phòng Covid-19 cho người lao động... Điều này có vai trò quyết định đến việc bảo toàn nguồn nhân lực, góp phần phục hồi kinh tế khi dịch được kiểm soát. Đồng thời, sớm triển khai các giải pháp kết nối giữa ngân hàng với DN để hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi; tổ chức đối thoại với DN để lắng nghe, ghi nhận, đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách; kiến nghị miễn, giảm, giảm thuế cho DN; triển khai các giải pháp hỗ trợ DN, tìm kiếm, mở rộng thị trường; nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư; hỗ trợ công tác an sinh xã hội cho công nhân, người lao động...

Vừa qua, Tổ chức lao động Quốc tế đã tổ chức khảo sát vào tháng 4/2020 với tổng số 5.000 người lao động (NLĐ) từ 22 tỉnh/thành phố trong cả nước, bao gồm các ngành gồm điện tử, dệt may và chế biến thủy, hải sản. Kết quả khảo sát cho thấy trên 80% DN còn hoạt động đã chủ động đưa ra các biện pháp ứng phó với tác động của Covid-19, Biện pháp của DN có thể chia làm 02 nhóm: <sup>(1)</sup>các biện pháp liên quan tới lao động như giảm lương, tạm ngừng hợp đồng lao động và cắt giảm lao động và <sup>(2)</sup>tìm kiếm các thị trường/nguồn thu thay thế. Theo đánh giá của ILO, NLĐ dễ bị tổn thương nhất bởi các tác động kinh tế của đại dịch là NLĐ lớn tuổi, phụ nữ, NLĐ trẻ, NLĐ phi chính thức, NLĐ làm các công việc không ổn định và NLĐ di cư. Do đó, tỉnh cần quan

tâm có chính sách hỗ trợ về đời sống và tạo điều kiện cho NLĐ sớm phục hồi thông qua giải pháp ngoài chính sách nhà nước hỗ trợ ổn định đời sống cần tạo điều kiện, tuyên truyền nhận thức để NLĐ tiếp tục duy trì, phát triển việc làm.

Ngoài các giải pháp tháo gỡ, tạo điều kiện phục hồi và phát triển lĩnh vực sản xuất - kinh doanh thì cần đặc biệt quan tâm ngành giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc đóng góp phục hồi và phát triển KT-XH tỉnh An Giang, đó là vai trò của ngành nông nghiệp.

### **3. Đối với Du lịch**

Tỉnh An Giang có nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển du lịch nhất là du lịch tâm linh, du lịch sinh thái. Tuy nhiên, đại dịch đã tác động lớn đến phát triển ngành du lịch của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Do đó, thực hiện chủ trương “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” của Chính phủ, đây là cơ hội để du lịch và lữ hành được hoạt động trở lại, trước mắt là du lịch trong nước và hướng đến du lịch quốc tế khi có điều kiện. Vì vậy, vai trò quản lý cần nghiên cứu, lựa chọn một số khu điểm du lịch từng bước đưa vào khai thác và có các giải pháp để thực hiện chuyển đổi phù hợp với bối cảnh mới. Đại dịch Covid-19 không chỉ tác động kinh tế mà còn tác động tâm lý, tình cảm, sở thích, nguyện vọng. Hiện nay, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch chịu sự tác động rất nặng nề. Vì vậy, cần xếp loại hình này vào nhóm ưu tiên tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ nhất là chính sách về tín dụng để DN phục hồi và phát triển du lịch. Tuy nhiên, để thích ứng với điều kiện bình thường mới ngành du lịch không thể mở cửa tự do mà phải mở cửa thận trọng, an toàn nhưng không cản trở thuận lợi của DN và

khách du lịch. Tỉnh An Giang cần thiết lập các khu, điểm du lịch an toàn cũng như sản phẩm du lịch an toàn. Trong đó, cần có các giải pháp khai thác cụ thể về du lịch nội địa sẽ có biện pháp thế nào, với du lịch liên vùng, liên tỉnh sẽ cần có giải pháp cụ thể để bảo đảm an toàn và cũng tạo điều kiện kết nối các điểm đến.

#### 4. Đối với ngành nông nghiệp

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp, tác động đến nhiều lĩnh vực, ngành nông nghiệp vẫn giữ được vai trò là trụ đỡ quan trọng cho nền kinh tế của tỉnh An Giang nói riêng và cả nước nói chung, nhất là trong tình hình sản xuất - kinh doanh bị đình trệ và khó khăn nhưng sự đóng góp của ngành nông nghiệp rất đáng kể, với tốc độ tăng trưởng 9 tháng đầu năm 2021 của ngành đạt 2,33% và đóng góp vào tốc độ tăng trưởng của tỉnh tăng 1,60%. Với vai trò vô cùng quan trọng của ngành nông nghiệp và trước tình hình mới càng đòi hỏi ngành nông nghiệp nhanh chóng có sự chuyển biến mạnh mẽ để thích ứng với nhu cầu người tiêu dùng, điều kiện, bối cảnh dịch bệnh hiện nay cũng như xu thế phát triển. Thực tế vừa qua đã cho thấy, mặc dù dịch bệnh Covid-19 gây khó khăn cho việc mua bán trực tiếp nhưng cầu nối giữa người nông dân và người tiêu dùng nhiều nơi vẫn có thể tiêu thụ được nông sản, người tiêu dùng vẫn có lương thực, thực phẩm, hoa quả để dùng. Có thể thấy, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu để hiện đại hóa ngành nông nghiệp. Bởi công nghệ tiên tiến giúp nâng cao năng suất và giá trị nông sản; nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế. Vì vậy, chuyển đổi số nông nghiệp sẽ tạo hướng đột phá, tạo lực đẩy cho sự hồi phục tăng trưởng trong bối cảnh vẫn đối mặt

nhều thách thức bởi đại dịch Covid-19. đặc biệt là về ứng dụng công nghệ cao vào khâu sản xuất và quy trình tiêu thụ sản phẩm. Từ đó, tạo điều kiện cho ngành nông nghiệp phát triển bền vững thông qua việc thực hiện trong từng lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản thông qua các chương trình, phần mềm quản trị được áp dụng nhằm tối ưu hóa, tăng năng suất lao động, giảm phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, kiểm soát dịch bệnh tốt hơn. Về phân phối các sản phẩm nông nghiệp được phân phối trực tiếp và được chào bán trên các sàn thương mại điện tử để tạo sự quan tâm đồng đều người tiêu dùng đón nhận.

Bên cạnh, ngành nông nghiệp từ nay cần nhanh chóng soát xét để tổ chức thực hiện đến năm 2025 cơ cấu theo 3 nhóm sản phẩm: Nhóm sản phẩm quốc gia; nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; nhóm sản phẩm đặc sản địa phương.

Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia: tập trung đầu tư, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với công nghiệp chế biến nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Ưu tiên nguồn lực đầu tư để thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng các chuỗi giá trị gắn với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu quốc gia. Tăng cường liên kết vùng, liên kết ngành để đầu tư phát triển các sản phẩm chủ lực quốc gia; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm tháo gỡ các rào cản thương mại, thúc đẩy xuất khẩu.

Với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: cần căn cứ lợi thế, điều kiện cụ thể và nhu cầu thị trường, có chính sách ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ



lực cấp tỉnh. Đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Đối với các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh có tiềm năng phát triển quy mô lớn, tăng cường liên kết giữa các địa phương để tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung, áp dụng cơ giới hóa gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản có chính sách, giải pháp và nguồn lực để mở rộng quy mô, chất lượng và thương hiệu sản phẩm để bổ sung vào nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia khi đủ điều kiện.

Nhóm sản phẩm địa phương: tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bền vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế nhằm phát huy bản sắc, khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo và niềm tự

hào của người dân, thúc đẩy tổ chức và đảm bảo giá trị của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng nông thôn mới. Quan tâm đặc biệt là phát triển mô hình du lịch cộng đồng ở nông thôn. Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa. Tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm không đứt gãy chuỗi sản xuất nông nghiệp thông qua thực hiện các phương án điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với điều kiện thời tiết, diễn biến dịch Covid-19 tại từng huyện, thị, thành phố nhằm đảm bảo cung ứng tốt lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước, xuất khẩu, Đồng thời đẩy mạnh phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu./.

---

(tiếp theo trang 6)

- Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng quy trình chuẩn các thiết bị đo lường nhằm kiểm soát đo lường đối với phương tiện đo trong hệ thống sản xuất; hướng dẫn bảo quản, kiểm soát đối với chuẩn đo lường, phương tiện đo đảm bảo tính chính xác trong quá trình sử dụng.

\* Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn sự nghiệp KH&CN bao gồm: đổi mới, sửa đổi chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường

hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường phát triển hạ tầng đo lường; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường; triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hóa; tăng cường hợp tác quốc tế; đẩy mạnh công tác truyền thông về hoạt động đo lường.

UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện/.

**Lê Văn Duyên**

*Phòng Quản lý đo lường, Chi cục Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  
(Nguồn: Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh An Giang)*

# ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GÓP PHẦN TĂNG GIÁ TRỊ SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Qua 20 năm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Sở Khoa học và Công nghệ đã cùng với các cấp, các ngành đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ góp phần tăng giá trị sản xuất trên địa bàn tỉnh An Giang đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

## 1. Công tác triển khai các văn bản liên quan đến phát triển kinh tế tập thể

Công tác quán triệt, tuyên truyền, tổ chức quán triệt Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể là một nhiệm vụ trọng tâm. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể.

Cùng với sự tham gia tích cực của các ngành các cấp, từ năm 2002 đến năm 2020 Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 11 văn bản<sup>1</sup> về chủ trương và chính sách của tỉnh để hỗ trợ cho các tổ hợp tác, hợp tác xã ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức triển khai các văn bản trên thông qua công tác tuyên truyền, tập huấn rộng rãi trên các phương tiện

thông tin đại chúng, tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ địa phương và các tổ hợp tác, hợp tác xã. Kết quả đã tổ chức trên 50 lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân, thành viên của các tổ hợp tác, hợp tác xã. Thông qua việc xây dựng các mô hình điểm sản xuất thử nghiệm, các mô hình tập huấn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ đã xây dựng các làng nghề trồng nấm ăn, nấm dược liệu... Kết quả của một số đề tài, dự án cũng góp phần hình thành nên các tổ sản xuất rau màu, tổ sản xuất lúa giống...

## 2. Một số kết quả đạt được trong phát triển kinh tế tập thể

### 2.1. Về ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ

Những thành tựu KH&CN ngày càng được áp dụng rộng rãi trong đời sống, sản xuất, góp phần đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chuyển biến mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của cả nước nói chung và của tỉnh An Giang nói riêng. Ngành KH&CN An Giang luôn cố gắng đưa nhanh những kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tế sản xuất, đời sống, từng bước nâng cao giá trị đóng góp của KH&CN trong phát triển kinh tế tập thể để phục vụ phát triển KT-XH của địa phương.

Chương trình hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ triển khai thực hiện từ năm 2005 đã góp phần nâng cao nhận thức của tổ hợp tác, hợp tác xã về đổi mới công nghệ, tăng năng suất, tạo sản phẩm có chất lượng, hàm lượng công

nghe cao và tăng cường tính cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Đến cuối năm 2020, đã hỗ trợ cho gần 106 lượt tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã ứng dụng và phát triển các mô hình công nghệ, qui trình, kỹ thuật sản xuất mới với số tiền trên 180 tỷ đồng, nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hỗ trợ trên 107 tỷ đồng, số còn lại là nguồn xã hội hóa<sup>2</sup>.

Tập trung triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ như: tìm kiếm, trao đổi công nghệ, chuyên gia công nghệ trong ngoài nước; hỗ trợ các doanh nghiệp hình thành các trung tâm, cơ sở nghiên cứu trong doanh nghiệp; hỗ trợ hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở tham gia các chợ công nghệ và thiết bị, sàn giao dịch công nghệ, hoạt động trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ được triển khai ở quy mô quốc gia, vùng và cấp tỉnh; tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, cung cấp thông tin các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và đổi mới công nghệ...

Từ các kết quả đạt được như trên đã góp phần nâng cao trình độ công nghệ, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất; thúc đẩy việc tăng cường hàm lượng KH&CN trong các sản phẩm chủ lực của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập quốc tế.

## **2.2. Về SHTT**

Các hoạt động về SHTT trong thời gian qua đã có đóng góp đáng kể cho việc phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh, đã tạo điều kiện cho sản phẩm, dịch vụ của tỉnh có cơ hội được phát triển ở thị trường trong và ngoài nước. Đồng thời còn góp phần kích thích sự



*Dự án ứng dụng hệ thống tưới tự động trong mô hình trồng dâu tằm lấy quả theo hướng VietGAP tại huyện Phú Tân, An Giang*

sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân ở địa phương.

Thông qua công tác tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về SHTT, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đã ý thức hơn về việc xác lập, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ của chính mình và có sự quan tâm, chủ động hơn trong công tác đăng ký bảo hộ các đối tượng SHTT như: nhãn hiệu, kiểu dáng sản phẩm, sáng chế, giải pháp hữu ích... do đó đã nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của tỉnh.

Kết quả từ năm 2002 đến năm 2020, toàn tỉnh có 2.909 đơn nộp đăng ký bảo hộ quyền SHCN tại Cục Sở hữu trí tuệ từ các tổ chức, cá nhân và được cấp 1.892 văn bằng/giấy chứng nhận, trong đó đã hỗ trợ 1,496 tỷ đồng cho 802 đối tượng SHCN (bao gồm: 728 nhãn hiệu cá thể trong nước, 06 nhãn hiệu đăng ký tại Campuchia, 54 nhãn hiệu tập thể, 01 kiểu dáng công nghiệp, 01 chỉ dẫn địa lý và 12 sáng chế, giải pháp hữu ích).

Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ bảo hộ, khai thác, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ sản phẩm chủ lực, đặc thù địa phương cũng đạt



được những hiệu quả tích cực. Đã xây dựng NHCN AN GIANG thành dấu hiệu để người tiêu dùng trên thị trường nhận biết nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh An Giang (lúa, nếp; nấm ăn, nấm dược liệu; bò thịt; tôm, cá, lươn; rau ăn lá, rau củ, rau ăn quả; xoài VietGAP) trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn; sản phẩm chế biến phát sinh từ các sản phẩm chủ lực. Đến nay Sở đã vận động và trao quyền sử dụng NHCN AN GIANG cho 38 tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; lắp đặt 04 bảng pano quảng bá, đã in 2.000 tờ bướm, 2.000 tờ áp phích và 20.000 quyển sổ tay và đến nay đã cấp 265.000 tem NHCN cho tổ chức và cá nhân.

### **2.3 Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng**

Công tác tuyên truyền pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và các văn bản pháp luật liên quan về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa luôn được tỉnh quan tâm chú trọng và được triển khai với nhiều hình thức như: tổ chức các hội nghị triển khai các văn bản pháp quy, thông qua các phương tiện báo đài, các bài viết về hoạt động của ngành, tạp chí thông tin khoa học công nghệ, trên website... Từ đó ý thức chấp hành về pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh ngày càng được nâng cao, tình trạng sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại trong cân, đong, đo, đếm đã giảm đi đáng kể.

Chương trình xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế của tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2001 đối với doanh nghiệp nhằm hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng được hệ

thống quản lý kiểm soát tốt chất lượng trong sản xuất, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường, nhân lực... góp phần phát triển kinh doanh hiệu quả cho doanh nghiệp. Đã hỗ trợ cho 47 doanh nghiệp và 20 đơn vị sự nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận theo ISO 9001, HACCP, ISO 14001.

Hỗ trợ kinh phí công bố sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương cho 19 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất khô cá, mắm cá (công bố 30 sản phẩm khô cá, mắm cá); áp dụng 03 công cụ nâng cao năng suất chất lượng: 5S, kaizen và KPI; đánh giá đối với các mô hình: <sup>(1)</sup>Đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap cho 3 mô hình thủy sản (nuôi lươn đồng thương phẩm, nuôi cá lóc và nuôi tôm càng xanh); <sup>(2)</sup>Đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGap cho cây xoài của Hợp tác xã sản xuất GAP xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới; <sup>(3)</sup>Đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn chứng nhận rau an toàn cho 04 vùng trồng rau tại thành phố Châu Đốc, Long Xuyên và huyện Chợ Mới. Hỗ trợ 13 đơn vị xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và áp dụng một số công cụ nâng cao năng suất chất lượng; 02 đơn vị đạt giải bạc (giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2017): Nhà máy Xi măng An Giang và Xí nghiệp sản xuất bê tông và gạch không nung.

Những năm qua, phong trào chuyển dịch cơ cấu cây trồng phát triển mạnh, mang lại hiệu quả kinh tế rất cao, tăng giá trị trên cùng diện tích đất canh tác (giá trị sản xuất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản trên 01 ha đất năm 2020 đạt 192 triệu đồng/ha). Đặc biệt, trong tình hình hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra ở nhiều tỉnh, cây trồng ở An Giang vẫn vững vàng trước thiên tai, mang giá trị lớn về cho nông dân, đó là nhờ áp dụng KH&CN, quy trình kỹ thuật canh tác trên đối tượng cây ăn

trái và rau màu, đặt biệt là xây dựng các mô hình sản xuất đạt tiêu chuẩn an toàn, VietGap, Global Gap... nổi bật là mô hình sản xuất Xoài đạt tiêu chuẩn VietGap 500 ha tại huyện Chợ Mới.

Qua kết quả thực hiện, các doanh nghiệp ngày càng nhận thức sâu sắc về việc áp dụng, xây dựng hệ thống quản lý tiên tiến, nhiều doanh nghiệp áp dụng cả hai, ba hệ thống quản lý, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, kinh doanh và từ đó mang lại hiệu quả kinh tế, gặt hái thành công trong cạnh tranh hàng hóa, dịch vụ trên thị trường trong và ngoài nước.

### **3. Hạn chế, khó khăn:**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn như sau:

- Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí thực hiện phải đáp ứng những tiêu chí như: công nghệ sau phải có tính mới hơn công nghệ trước, tính hiệu quả, tính tiên tiến... Điều này làm cho việc hỗ trợ nhân rộng đổi mới công nghệ gặp không ít khó khăn dẫn đến số lượng hợp tác xã được hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ áp dụng vào phát triển sản xuất còn rất ít.

- Việc hỗ trợ kinh phí thực hiện các mô hình ứng dụng đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh chưa thật sự rộng rãi, một phần là do các tổ hợp tác, hợp tác xã thiếu vốn đầu tư và cũng chưa mạnh dạn đầu tư đồng bộ dây chuyền sản xuất ứng dụng công nghệ mới.

- Hoạt động quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với NHCN, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm đặc sản làng nghề, tổ hợp tác, hợp tác xã... chưa hiệu quả và chưa được chủ sở hữu quan tâm thực hiện.

- Mặc dù công tác thông tin, tuyên truyền kiến thức về SHTT đã có những bước tiến về

chất lượng nội dung cũng như hình thức truyền đạt nhưng vẫn còn khá nhiều cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã chưa thật sự quan tâm.

- Hoạt động hỗ trợ và tư vấn xác lập quyền SHTT chưa bao trùm ở tất cả lĩnh vực, đặc biệt là khai thác và thương mại hóa các tài sản trí tuệ.

- Chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu, thiếu phần hỗ trợ kinh phí khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển quyền SHTT sau khi được bảo hộ.

### **4. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021 - 2025:**

Để phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những hạn chế, khó khăn trong những năm qua. Trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp như sau:

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong xã hội, đặc biệt là trong các doanh nghiệp về vai trò động lực then chốt của KH&CN, nhằm nâng cao tinh thần tự lực, sự đồng thuận và sự ủng hộ mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị; tạo không khí thi đua lao động sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong sản xuất và đời sống.

- Tiếp tục rà soát tham mưu Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành chính hỗ trợ doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, làng nghề ứng dụng, đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển sản xuất.

- Tiếp tục đưa các kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án vào ứng dụng thiết thực trong đời sống sản xuất, kinh doanh, nhất là các ứng dụng về nông nghiệp ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến kết hợp với việc quy hoạch các nhóm sản phẩm theo hướng NNCNC, mở ra hướng

đi mới cho các tổ liên kết, tổ hợp tác, các làng nghề...

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn đến năm 2030; triển khai kế hoạch “Đẩy mạnh phát triển nhãn hiệu chứng nhận An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và sản phẩm khác có tiềm năng phát triển của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.

- Đẩy mạnh triển khai hiệu quả hàng rào kỹ thuật trong thương mại phục vụ xuất khẩu và chống nhập siêu. Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu của thị trường, trước hết đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh An Giang.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn, đo lường, chất

lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ; đẩy mạnh kết nối với hệ thống thông tin cảnh báo trong nước và quốc tế, hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 và Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch tổng thể Nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020./.

### Chú thích:

<sup>1</sup> (1) Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 12/02/2007 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ thực hiện ứng dụng đổi mới công nghệ giai đoạn 2007 – 2010; (2) Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 11/03/2007 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ tập huấn, chuyển giao kỹ thuật và sản xuất thử nghiệm giai đoạn 2007 – 2010; (3) Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07/04/2008 về việc Ban hành Chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và chuyển giao các tiến bộ KHCN tỉnh An Giang từ nay đến năm 2010; (4) Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh An Giang ban hành Chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh An Giang giai đoạn 2011- 2015; (5) Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của UBND tỉnh An Giang ban hành Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020; (6) Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Ban hành Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang; (7) Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 của UBND tỉnh An Giang ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015; (8) Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang từ nay đến năm 2020; (9) Quyết định số 1607/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch xây dựng NHCN An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến 2030; (10) Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND tỉnh An Giang phê duyệt Dự án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh An Giang từ nay đến 2015; (11) Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 phê duyệt Kế hoạch nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2016-2020.

<sup>2</sup> Mô hình chuyển giao công nghệ trong các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, các mặt hàng truyền thống nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, tăng năng suất, giảm giá thành (sản phẩm cá chà bông, khô bò, đường thốt nốt dạng viên tròn...); Hỗ trợ cải tiến, chế tạo thiết bị kỹ thuật, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thu hoạch, sau thu hoạch trong sản xuất nông nghiệp, khai thác thủy lợi, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, như: chế tạo máy xới 4 bánh, máy gặt đập liên hợp cải tiến, hệ thống sấy lúa vĩ ngang đảo chiều gió, công suất 8 tấn/mé; Các mô hình nhà lưới sản xuất nông nghiệp; mô hình sản xuất giống các tra, cá heo, lươn đồng, cá chạch lấu...

# KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP GIỮA ĐẢNG ỦY SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI 11 HUYỆN, THỊ, THÀNH ỦY GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

**Phạm Danh Tường**

*Sở Khoa học và Công nghệ An Giang*

Từ đầu năm 2021, Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức làm việc với cấp ủy 11 huyện, thị, thành phố về chương trình phối hợp giai đoạn 2021 - 2025 nhằm đẩy mạnh hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ và UBND huyện, thị xã, thành phố đã ký kết Kế hoạch triển khai Chương trình phối hợp giữa Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ và 11 huyện, thị, thành ủy giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Kế hoạch). Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch là triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành KH&CN, đồng thời phục vụ phát triển KT-XH của địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

Một số nhóm nội dung nhiệm vụ/hoạt động chính của Kế hoạch gồm: <sup>(1)</sup>Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong quy hoạch, sản xuất, chế biến tập trung vào 08 nhóm sản phẩm NNCNC, sản phẩm chủ lực của tỉnh và đặc sản địa phương, gắn với phát triển du lịch; <sup>(2)</sup>Xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm hàng hóa của các đơn vị, cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn; <sup>(3)</sup>Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công



*Mô hình khảo nghiệm giống đậu phộng mới tại xã Văn Giáo – Tỉnh Biên*

cụ cải tiến năng suất chất lượng, đổi mới công nghệ, các giải pháp hữu ích; <sup>(4)</sup>Hỗ trợ nâng cao nhận thức, năng lực về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho cán bộ, công chức, viên chức ngành KH&CN và thanh niên ở địa phương; <sup>(5)</sup>Khảo sát, đánh giá các mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả ở các địa phương để tổ chức nhân rộng trên địa bàn tỉnh. Tổng cộng có 65 nhiệm vụ/hoạt động; trong đó có: 53 nhiệm vụ thực hiện từ năm 2021 (chiếm 81.5%), 05 nhiệm vụ thực hiện trong năm 2021 (chiếm 7,7%). Hiện tại, hầu hết các nhiệm vụ/hoạt động được phân kỳ thực hiện năm 2021 và bắt đầu thực hiện từ năm 2021 đã được các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, một số kết quả cụ thể đạt được như sau:

(1) Đề xuất thực hiện đề tài KH&CN cấp



quốc gia “Xây dựng bảo tàng ảo/số hóa 3D các hiện vật khai quật được tại khu di tích văn hóa Óc Eo”: năm 2019, đã đề xuất đề tài, dự án thuộc Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia “Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0, tuy nhiên chưa được phê duyệt. Đang tiếp tục thực hiện các hồ sơ đề xuất lại.

(2) Phối hợp phát triển quyền SHTT đối với sản phẩm đường thốt nốt Tịnh Biên và cây chóc Thất Sơn: đã hướng dẫn và đang hỗ trợ huyện xây dựng kế hoạch triển khai dự án xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm đường thốt nốt Tịnh Biên.

(3) Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm Bắp bao tử: đã hướng dẫn, hỗ trợ huyện xây dựng kế hoạch triển khai dự án xây dựng, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm bắp bao tử Chợ Mới.

(4) Xây dựng mô hình tưới bằng năng lượng mặt trời cho vườn cây ăn trái trên triền núi: đã triển khai lắp đặt tại Hợp tác xã Bến Bà Chi - hộ Ông Bùi Văn Quý, ấp Trung An, Lê Trì, Tri Tôn, An Giang (đang thu thập số liệu để viết báo cáo kết quả thực hiện mô hình).

(5) Hỗ trợ xây dựng làng sản xuất giống cây rau màu, hoa, kiềng: đang xây dựng dự án từ chương trình nông thôn miền núi của Bộ Khoa học và Công nghệ để xin kinh phí thực hiện cho 5 huyện trong đó có huyện Chợ Mới.

(6) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa: đã thông tin đến UBND huyện, thị xã, thành phố Quyết định số 2338/QĐ-UBND của



Mô hình tưới bằng năng lượng mặt trời cho vườn cây ăn trái trên triền núi tại Hợp tác xã Bến Bà Chi

UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang; tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 573/KH-UBND ngày 28/9/2021 về việc triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang; khảo sát và tổng hợp nhu cầu nâng cao năng suất chất lượng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (có 12 doanh nghiệp đăng ký hỗ trợ).

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước phân bổ hằng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện, thị xã, thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Phòng Quản lý khoa học hoặc Phòng Quản lý chuyên ngành (thuộc Sở Khoa học và Công nghệ) và Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng (thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố) được giao làm đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương./.

Nguồn: website Sở KH&CN An Giang (<https://sokhcn.angiang.gov.vn/>)

# THU THẬP, BẢO TỒN VÀ NHÂN GIỐNG MỘT SỐ CÂY TRỒNG TỈNH AN GIANG

Nguyễn Ngọc Giàu

Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang

**N**guồn gen thực vật là nguyên liệu trực tiếp nuôi sống con người và đồng thời là nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, y tế. Bên cạnh đó, còn là nguồn nguyên liệu khởi thủy phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, cải tạo giống, đảm bảo duy trì được sự đa dạng sinh học và những tiền đề cần thiết về tài nguyên sinh học cho sự phát triển bền vững nền nông nghiệp hiện tại cũng như trong tương lai.

Việc bảo tồn nguồn gen quý có thể được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau, nhưng việc ứng dụng CNSH - nuôi cấy mô tế bào thực vật trong lưu giữ và bảo tồn nguồn gen là việc làm mang lại nhiều lợi ích so với các phương pháp khác. Bởi vậy, việc đẩy mạnh khai thác nguồn gen sẽ góp phần thực hiện có ý nghĩa và hiệu quả công tác bảo tồn.

Chọn giống và nhân giống là công tác then chốt trong việc nâng cao năng suất cây trồng. Ngoài việc tuyển chọn và đưa vào sản xuất những giống có năng suất cao thì việc bảo quản các nguồn gen và lưu giữ các giống tốt trong điều kiện vô trùng để giữ lại những nguồn giống sạch bệnh cho sản xuất là những việc làm cần thiết.

Năm 2016, Trung tâm CNSH tỉnh An Giang đã thực hiện kế hoạch: “Nghiên cứu hoàn thiện và làm chủ quy trình nuôi cấy mô cây dược liệu” và có tiếp nhận cây bách bộ từ Trung tâm CNSH thành phố Hồ Chí Minh để lưu giữ, bảo tồn. Qua 5 năm lưu giữ, giống bách bộ cần tái tạo lại để tiếp tục lưu giữ. Do đó kết hợp với



*Phòng lưu trữ cây giống invitro tại Trung tâm CNSH tỉnh An Giang*

hiện trong nhiệm vụ 2021 là hoàn thiện quy trình nhân giống invitro cây bách bộ.

Trong năm 2020, Trung tâm CNSH đã nhận chuyển giao quy trình nhân giống cây dưa lưới invitro. Tuy nhiên, quy trình nhân giống chỉ phù hợp với một đối tượng dưa lưới cụ thể (dưa lưới Bảo Khuê), không áp dụng được quy trình nhận chuyển giao cho các giống dưa lưới khác. Vì vậy, một phần nội dung nhiệm vụ 2021 là khảo sát thêm nhiều loại môi trường để áp dụng cho đối tượng dưa lưới đang có nhu cầu cung ứng cây mô cho thị trường tiềm năng tại An Giang.

Xuất phát từ thực tế đó, Trung tâm CNSH thực hiện nhiệm vụ “Thu thập, bảo tồn và nhân giống một số cây trồng tỉnh An Giang”. Nhiệm vụ được thực hiện trong 12 tháng, kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ từ nguồn sự nghiệp KH&CN. Đối tượng nghiên cứu gồm 14 cây invitro là dưa lưới, bách bộ, hoa cúc, lan gấm, hoa chuông, hoa hồng, Dendorobium, ngải, nghệ, ba kích, hà thủ ô đỏ, ngũ gia bì gai, lan



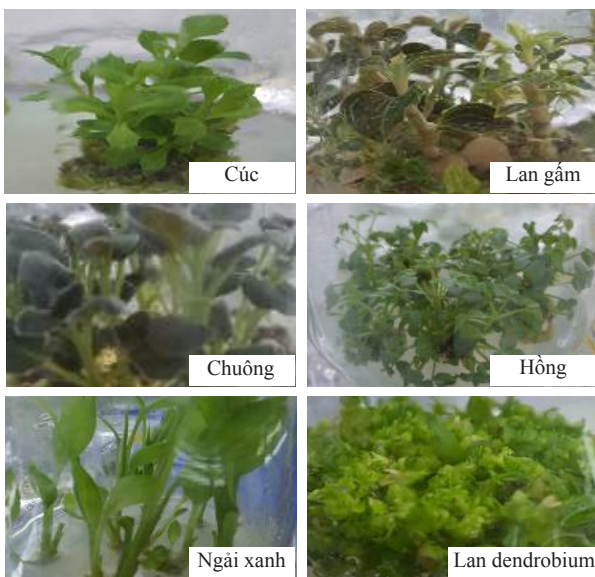
ống điều, nghệ trắng. Mục tiêu của nhiệm vụ là: (1)tiếp tục công tác lưu giữ, bảo tồn các nguồn gen đang được lưu giữ; (2)thu thập thêm một số giống cây mới làm đa dạng nguồn gen thực vật đang lưu giữ; (3)cải tiến, hoàn thiện quy trình nuôi cấy mô một số giống cây trồng; (4)khảo nghiệm khả năng sinh trưởng một số giống in vitro ngoài vườn ươm.

*Kết quả thực hiện nhiệm vụ:*

**1. Lưu giữ và bảo tồn các giống cây hiện có trong phòng CNSH Nông nghiệp:**

Thời gian từ tháng 01 đến tháng 11/2021, nhóm thực hiện kế hoạch đã tiến hành lưu giữ và vô mẫu lại được 09 loài với 20 giống cây trồng với 7.793 cây in vitro và 1.690 cây ngoài vườn ươm, vượt hơn mục tiêu đề ra ban đầu là 5.593 cây in vitro và 1.130 cây ngoài vườn ươm.

Đối với cây lưu giữ invitro: cây được nhân giống và nuôi dưỡng trên môi trường thạch bao gồm các thành phần chính là môi trường MS và bổ sung thêm chất điều hòa sinh trưởng, than hoạt tính. Điều kiện nuôi cấy: chiếu sáng 12 giờ/ngày, cường độ chiếu sáng 2.500 ± 500 lux, nhiệt độ 25 ± 2°C, độ ẩm 40 ± 5%.



*Cây giống lưu trữ invitro tại phòng CNSH nông nghiệp*

Đối với cây lưu giữ ngoài vườn ươm: Cây được cắt tỉa, chăm sóc, bón phân đều đặn định kỳ theo từng loại.



*Cây giống cấy mô được lưu giữ tại vườn ươm phòng CNSH nông nghiệp*

**2. Thu thập thêm hai giống cây mới:**

Từ tháng 3 đến tháng 11 năm 2021, Phòng CNSH Nông nghiệp đã tiến hành khảo sát và thu thập thêm 2 giống cây trồng mới tại An Giang. Hai giống mới bao gồm sâm cóc và xạ đen.



*Cây mới thu thập tại Trung tâm CNSH An Giang*

**3. Cải tiến qui trình nhân giống cây dưa lưới và bách bộ invitro:**

*Đối với quy trình nhân giống cây dưa lưới:*

Ngâm mẫu với dung dịch kháng sinh và

kháng nấm, sau đó rửa lại với nước sạch và ngâm với cồn 70° trong 1 phút. Sau khi rửa lại với nước cất khử trùng, tiến hành ngâm các hạt giống trong dung dịch javen 50% với 4 nghiệm thức về thời gian. Rửa lại với nước vô trùng và cấy trên môi trường MS. Kết quả cho thấy ở thời gian 40 phút là tối ưu trong 4 nghiệm thức với tỉ lệ mẫu sống sau 2 tuần là 73,33 %.

Các mẫu sau khi lên chồi được chuyển sang 5 môi nhân với sự tăng giảm kết hợp về nồng độ các chất điều hòa sinh trưởng. Sau 3 tuần, môi trường cải tiến bổ sung nồng độ Tyrosin là 40 mg/L thích hợp cho sự nhân chồi của cây dưa lưới.

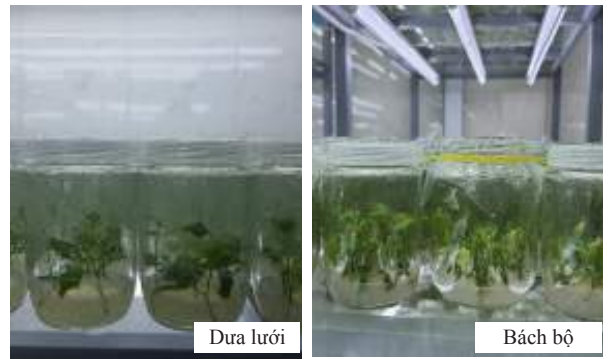
Các chồi nhân được cấy chuyển sang 4 môi trường tạo rễ có bổ sung 0,3 mg/L IBA với thành phần môi trường và hàm lượng đường khác nhau. Sau 1 tuần, môi trường MS (½ NH<sub>4</sub>NO<sub>3</sub>) với nồng độ đường 30 g/L cho kết quả tối ưu nhất so với các môi trường còn lại.

*Đối với quy trình nhân giống cây bách bộ:*

Mẫu bách bộ được tách bỏ bớt các lớp bẹ lá, ngâm trong dung dịch javen với nồng độ thích hợp trong 3 mốc thời gian, sau đó rửa lại với nước vô trùng. Mẫu cấy sau khử trùng được cấy trên môi trường MS. Sau 2 tuần, đoạn thân bách bộ mang chồi ngủ cho hiệu quả cao khi sử dụng dung dịch javen 50% trong thời gian 25 phút.

Các mẫu sau khi lên chồi được chuyển sang 4 môi nhân với sự tăng giảm kết hợp về nồng độ các chất điều hòa sinh trưởng. Sau 4 tuần, môi trường thích hợp để nhân chồi bách bộ là MS bổ sung kết hợp 0,2 mg NAA và 4,5 mg BA.

Các chồi nhân được cấy chuyển sang 3 môi trường tạo rễ bổ sung kết hợp BA và NAA với nồng độ khác nhau. Sau 4 tuần, môi trường MS với 0,1 mg BA kết hợp 1 mg NAA cho kết quả tối ưu nhất so với các môi trường còn lại.

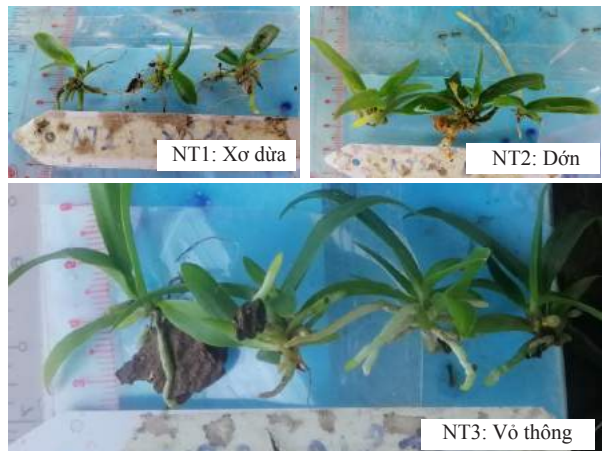


*Bố trí thí nghiệm cây giống invitro tại phòng CNSH Nông nghiệp*

**4. Khảo sát khả năng sinh trưởng của lan ống điều và nghệ trắng in vitro ngoài vườn ươm:**

*Đối với khả năng sinh trưởng của lan ống điều:*

Cây mô tiêu chuẩn có chiều cao trên 4 cm và có ít nhất 3 rễ tiến hành trồng khảo nghiệm khả năng sinh trưởng ngoài vườn ươm với 03 loại giá thể xơ dừa, dớn, vỏ thông.



*Kết quả về chiều cao cây sau 90 ngày trồng*

Sau 3 tháng theo dõi, giá thể vỏ thông chiếm ưu thế hơn (so với giá thể xơ dừa và dớn) về chiều cao và số lá ở giai đoạn 60 NST và 90 NST với tỷ lệ sống đạt 100%.

*Đối với khả năng sinh trưởng của cây nghệ trắng:*

Cây nghệ trắng cấy mô có chiều cao 3 - 5cm, có ít nhất 5 rễ, chiều dài rễ thấp nhất là 3cm được trồng khảo sát khả năng sinh trưởng trên 3 loại giá thể khác nhau.





Trồng khảo nghiệm cây nghệ trắng

Sau 3 tháng theo dõi, cây nghệ trắng cây mô thích nghi tốt nhất với giá thể Trung tâm ở giai đoạn 60 NST và 90 NST, cây phát triển cao, lá nhiều và xanh tốt với tỷ lệ sống đạt 100%.



Thí nghiệm khảo nghiệm chiều cao số lá và tỷ lệ sống cây nghệ trắng ngoài vườn.

### Nhận xét chung:

Qua 12 tháng thực hiện nhiệm vụ “Thu thập, bảo tồn và nhân giống một số cây trồng tỉnh An Giang”, phòng CNSH nông nghiệp đã hoàn thành đầy đủ các mục tiêu đề ra theo thuyết minh được phê duyệt.

Lưu giữ và bảo tồn được các giống cây hoa cúc, lan gấm, hoa chuông, hoa hồng, lan

dendorobium, ngải, nghệ, ba kích, hà thủ ô đỏ, ngũ gia bì gai. Đã lưu giữ được 7.793 cây *in vitro* trên môi trường thạch bao gồm MS và bổ sung thêm chất điều hòa sinh trưởng, than hoạt tính; lưu giữ được 1.690 cây ngoài vườn ươm trên những hỗn hợp thành phần giá thể thích hợp.

Quy trình nhân giống dưa lưới invitro: Từ nguồn mẫu là hạt dưa lưới, với nồng độ chất khử trùng là Javel:nước tỷ lệ 1:1 và trong thời gian 40 phút là thích hợp cho giai đoạn vô mẫu; môi trường thích hợp nhất cho nhân nhanh với các thành phần MS + 30 g/l đường + 8 g/l agar + 40 mg/L Tyrosin; môi trường thích hợp nhất cho ra rễ với các thành phần MS ( $\frac{1}{2}$  NH<sub>4</sub>NO<sub>3</sub>) + 30 g/l đường + 8 g/l agar + 0,3 mg/L IBA.

Qui trình nhân giống bách bộ invitro: Từ nguồn mẫu là đoạn thân cây bách bộ, với nồng độ chất khử trùng Javel:nước với tỷ lệ 1:1 trong thời gian 25 phút là thích hợp cho giai đoạn vô mẫu; môi trường thích hợp nhất cho nhân nhanh với các thành phần MS + 20 g/l đường + 9 g/l agar + 0,2 mg NAA + 4,5 mg BA; môi trường thích hợp nhất cho ra rễ với các thành phần MS + 20 g/l đường + 9 g/l agar + 0,1 mg BA + 1 mg NAA.

Phòng CNSH Nông nghiệp đã thu thập được 02 giống mới là xạ đen và sâm cóc làm đa dạng nguồn gen thực vật đang lưu giữ.

Khảo nghiệm cây trồng từ cây giống invitro: sau 90 ngày khảo sát khả năng sinh trưởng của lan ống điều và nghệ trắng *in vitro* ngoài vườn ươm; kết quả đạt được như sau: lan ống điều *in vitro* đưa ra vườn tỷ lệ sống đạt 100% khi trồng bằng vỏ thông; đối với nghệ trắng, hỗn hợp giá thể của Trung tâm CNSH tỉnh An Giang giúp cây con đạt tỷ lệ sống 100 % và sinh trưởng phát triển tốt nhất./.

## NHIỆM VỤ KH&amp;CN CẤP TỈNH:

## NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH NUÔI TRỒNG VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT TÍNH SINH HỌC CỦA CÁC GIỐNG LAN GẤM (*Anoectochilus sp.*) PHÁT TRIỂN TẠI VÙNG THẮT SƠN, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Ngọc Mộng Kha

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội, con người có xu hướng quay về với thiên nhiên, sử dụng các loại thảo dược để cải thiện sức khỏe và chữa bệnh. Trong đó, Lan gấm (*Anoectochilus sp.*) là một loại thảo dược quý hiếm, có tác dụng sinh học quý giá như tăng cường sức khỏe, lưu thông khí huyết, chữa thần kinh suy nhược, chữa ho khan, đau họng, cao huyết áp, suy thận, chữa di tinh, đau lưng, phong thấp, làm tiêu đờm, giải độc, giải nhiệt, chữa các bệnh viêm khí quản, viêm gan mãn tính, bệnh tim mạch, bệnh yếu sinh lý. Cây Lan gấm còn có tên lan kim tuyến hoặc lan kim cương, ở nước ta chỉ Lan gấm có 12 loài, trong đó có loài *Anoectochilus setaceus Blume* (còn có tên khác *A. roxburghii* (Wall) Lindl) được biết đến nhiều do có giá trị làm cảnh và giá trị làm thuốc đã được tìm thấy tại vùng Núi Cấm, tỉnh An Giang. Đồng thời, Lan gấm là cây dược liệu quý và có giá trị kinh tế cao, do đó, nguồn Lan gấm trong tự nhiên bị thu hái một cách triệt để từ cây trưởng thành đến cây non. Bên cạnh, nạn phá rừng làm nương rẫy làm cho khu phân bố của các loài Lan gấm bị thu hẹp, dẫn đến nguồn Lan gấm trong tự nhiên ngày càng khan hiếm và đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng. Vì vậy, việc tiến hành sưu tập, nghiên cứu nhân giống,



Khu vực nuôi trồng Lan gấm tại Trung tâm CNSH tỉnh An Giang

bảo tồn và phát triển nguồn gen thảo dược quý từ Lan gấm là vấn đề rất cần thiết và cấp bách.

Từ thực tế trên, năm 2018 UBND tỉnh An Giang phê duyệt thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu quy trình nuôi trồng và đánh giá hoạt tính sinh học của các giống lan gấm (*anoectochilus sp.*) phát triển tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang” do Trung tâm Công nghệ sinh tỉnh An Giang chủ trì, ThS. Nguyễn Công Kha chủ nhiệm. Mục tiêu nghiên cứu nhằm sưu tập, bảo tồn và xây dựng quy trình nhân giống cây Lan gấm từ vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang; khảo sát bước đầu hoạt tính có hướng tác dụng sinh học từ cây Lan gấm; xây dựng quy trình thuần dưỡng và chăm sóc cây Lan gấm trong điều kiện phòng thí nghiệm và

nhà lưới. Tạo nguồn nguyên liệu cho quá trình sản xuất các sản phẩm có khả năng hỗ trợ và điều trị bệnh.

**Sau hơn 02 năm thực hiện, đề tài đã đạt được một số kết quả như sau:**

1. Kết quả sưu tập, bảo tồn nguồn gen quý hiếm Lan gấm có ở tỉnh An Giang và các địa phương khác. Đã thu thập được 06 mẫu tại vùng Thất Sơn, tỉnh An Giang có đặc điểm hình thái học giống với Lan gấm. Các giống Lan gấm sau khi thu thập được tiến hành ghi nhận địa điểm thu thập và ký hiệu (được đánh số thứ tự từ AG1 đến AG6). Đồng thời, tiến hành di thực 03 giống Lan gấm từ tỉnh Lâm Đồng để làm đối chứng cho quá trình phân tích hình thái và trình tự gene của các giống Lan gấm.

2. Xác định hàm lượng flavonoid, phenolic, kinsenoside, polysaccharide của các mẫu Lan gấm cho thấy hàm lượng flavonoid tổng thể hiện cao nhất ở mẫu Lan gấm AG6 với hàm lượng flavonoid tổng đạt 724,75 (mg quercetin/g cao chiết); kế đến là mẫu Lan gấm AG3, hàm lượng flavonoid tổng đạt 710,58 (mg quercetin/g cao chiết) và thấp nhất là mẫu Lan gấm AG4 với hàm lượng flavonoid tổng chỉ đạt 468,92 (mg quercetin/g cao chiết). Hàm lượng phenolic tổng thể hiện cao nhất ở mẫu Lan gấm AG6 với hàm lượng phenolic tổng đạt 55,17 (mg GA/g); kế đến là mẫu Lan gấm AG2, hàm lượng phenolic tổng đạt 52,75 (mg GA/g) và thấp nhất là mẫu Lan gấm AG1 với hàm lượng phenolic tổng chỉ đạt 39,17 (mg GA/g). Hàm lượng polysaccharide thể hiện cao nhất ở mẫu Lan gấm AG6, đạt 93,25 mg GE/g; kế đến là mẫu Lan gấm AG3 đạt 90,20 mgGE/g; và thấp nhất là mẫu Lan gấm AG5, chỉ đạt

49,35 mg GE/g. Hàm lượng kinsenoside thể hiện cao nhất ở mẫu Lan gấm AG6, đạt 62,75 (mg/g trọng lượng khô); kế đến là mẫu Lan gấm AG3, đạt 35,19 (mg/g trọng lượng khô) và thấp nhất là mẫu Lan gấm AG1 với 14,75 (mg/g trọng lượng khô).

3. Kết quả khảo sát tác động chống oxy hóa MDA, bảo vệ gan *in vivo* của cao chiết cây Lan gấm tỉnh An Giang cho thấy cao chiết cây Lan gấm bằng dung môi ethanol 80% và nước cất có khả năng kháng oxy hóa được áp dụng bằng phương pháp DPPH với giá trị IC50 lần lượt là 114,28  $\mu\text{g/mL}$  và 82,70  $\mu\text{g/mL}$ . Cao chiết Lan gấm bằng nước hoàn toàn an toàn, không độc hại trên chuột nhắt trắng với liều lượng là 30 g cao/kg thể trọng chuột với tỷ lệ tử vong là 0%. Cao chiết Lan gấm bằng cồn hoàn toàn an toàn, không độc hại trên chuột nhắt trắng với liều lượng là 30g cao/kg thể trọng chuột có tỷ lệ tử vong là 0%. Những con chuột được điều trị bằng cao chiết nước và cồn Lan gấm làm giảm hàm lượng AST, ALT trong huyết tương và giảm mức độ tổn thương gan trên chuột nhắt trắng. Cao chiết cây Lan gấm từ vùng Thất Sơn tỉnh An Giang có khả năng gây độc tế bào ung thư gan (tế bào ung thư gan người HepG2) và ung thư phổi (tế bào ung thư phổi người A549) nhưng tác dụng gây độc tế bào ung thư chưa mạnh sau 72 giờ thử nghiệm. Cao chiết cây Lan gấm bằng cồn (220 mg/kg thể trọng) và nước (100 và 200 mg/kg thể trọng) điều thể hiện tác dụng tăng lực sau 14 ngày sử dụng.

4. Kết quả nghiên cứu cũng đã xây dựng được 01 quy trình nhân giống cây Lan gấm bằng phương pháp nuôi cấy mô; 01 quy trình



thuần dưỡng và chăm sóc cây Lan gấm từ phương pháp nuôi cấy mô; 01 quy trình nhân giống cây Lan gấm bằng phương pháp tự nhiên; 01 quy trình thuần dưỡng và chăm sóc cây Lan gấm từ phương pháp tự nhiên.

5. Kết quả xây dựng mô hình trồng bảo tồn và phát triển cây Lan gấm với diện tích 200m<sup>2</sup>, gồm 3.000 cây lan gấm trong chậu và 500 cây cấy mô. Đồng thời, đã tổ chức lớp tập huấn về quy trình nhân giống, chăm sóc, bảo quản và sơ chế nguyên liệu từ Lan gấm cho 30 học viên đến từ các Công ty, Doanh nghiệp, Hội Đông y và hộ nông dân quan tâm đến lĩnh vực cây dược liệu.

*(tiếp theo trang 5)*

quy chuẩn theo hướng an toàn; được cơ quan chức năng kiểm soát về an toàn và chất lượng. Tổ chức in tem NHCN “AN GIANG” cấp đơn vị được trao quyền sử dụng; thiết kế các gói quà, túi quà, giỏ quà, tờ bướm, tờ rơi, sổ tay... cho NHCN “AN GIANG”; đăng ký bảo hộ NHCN “AN GIANG” ra nước ngoài. Tăng khả năng quảng bá NHCN “AN GIANG” trên các phương tiện thông tin đại chúng, website...; xúc tiến các sản phẩm mang NHCN “AN GIANG” vào các siêu thị: Coopmart, Mega, Bách hóa xanh, Big C...; tham gia các sự kiện trong nước và nước ngoài với mục đích quảng bá sản phẩm được gắn NHCN “AN GIANG” là sản phẩm an toàn và chất lượng.

Bên cạnh đó, tiến tới tổ chức giao các đơn vị đã được trao quyền sử dụng NHCN “AN GIANG” về phương thức quản lý và khai thác; sửa đổi bổ sung Quy chế sử dụng NHCN “AN GIANG” và bổ sung sản phẩm để nộp hồ sơ đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ; đăng ký bổ

Kết quả nghiên cứu đề tài là phát hiện có giá trị khoa học cao, giúp bảo tồn, lưu giữ nguồn gen Lan gấm quý hiếm nguồn gốc tại vùng Thất Sơn tỉnh An Giang, đồng thời là cơ sở để tiếp tục hướng nghiên cứu sản xuất các sản phẩm thương mại có tác dụng sinh học chống oxy hóa, bảo vệ gan, tăng sinh lực từ cây Lan gấm tỉnh An Giang. Kết quả nghiên cứu sau nghiệm thu dự kiến sẽ được chuyển giao cho Công ty cổ phần Phát triển Du lịch An Giang, Hội Nông dân tỉnh An Giang và các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh An Giang tiếp nhận ứng dụng và nhân rộng theo quy định./.

sung cho các sản phẩm khác cho NHCN “AN GIANG” với Cục Sở hữu trí tuệ; cấp quyền sử dụng NHCN ít nhất 08 - 10 tổ chức, cá nhân; duy trì pháp lý 04 trụ bảng pano đã lắp đặt quảng bá về “AN GIANG”; đồng thời, bảo trì, bảo dưỡng các pano và phân công đơn vị quản lý. Thực hiện phối hợp lồng ghép với các chương trình hiện có. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng khai thác phát triển và trách nhiệm quản lý NHCN “AN GIANG”; tổ chức trao đổi kinh nghiệm trong quản lý khai thác khảo sát phát triển và đánh giá hiệu quả của NHCN “AN GIANG”.

UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình thực hiện và theo dõi báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất cho UBND tỉnh về kết quả triển khai Kế hoạch./.

**Đặng Thị Tiếp Thu**

*Chánh Thanh tra, Sở KH&CN An Giang*

*(Nguồn: Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của HĐND tỉnh An Giang)*



# KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG THIẾT BỊ GIEO HẠT LÚA THEO CỤM TẠI HUYỆN TỊNH BIÊN VÀ PHÚ TÂN TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thị Ngân Giang

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp nói chung và ứng dụng máy móc thiết bị công nghệ hiện đại phục vụ khâu gieo trồng nói riêng là xu hướng phát triển tất yếu đã được nhiều nước tiên tiến trên thế giới áp dụng đạt hiệu quả, góp phần thúc đẩy quá trình hiện đại hóa sản xuất, phát triển các ngành nghề phụ để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và hiện đại hóa nông thôn. Song song đó, tỉnh An Giang đang thực hiện chủ trương về giảm lượng giống gieo sạ trong sản xuất lúa. Vì vậy, triển khai Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang (Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh), Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ kinh phí cho KS. Lê Ngọc Linh - Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang thực hiện dự án Ứng dụng thiết bị gieo hạt lúa theo cụm tại huyện Tịnh Biên và Phú Tân tỉnh An Giang nhằm tăng năng suất lao động, giảm lượng hạt giống gieo, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả, góp phần đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa; đồng thời tạo tiền đề hình thành các tổ hợp tác dịch vụ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

**Dự án thử nghiệm với mục tiêu cụ thể là:**

- Hỗ trợ đầu tư 02 bộ thiết bị gieo hạt theo

cụm do Công ty Hàn Quốc sản xuất đạt các thông số kỹ thuật như trọng lượng: 132kg; khoảng cách hàng: 25cm; số hàng gieo: 10 hàng; cụm cách cụm: 10, 12, 14, 16, 18, 21 cm; số hạt giống gieo trung bình từ 50 - 100 kg/ha; mode 2BD - 1025.

- Thiết bị được tích hợp 2 trong 1 với máy cấy lúa Yanmar hoặc Kubota, hoạt động đạt công suất 0,35 ha/h (03 ha/ngày) với tổng diện tích 240 ha/02 máy/năm.

- Chi phí gieo bằng thiết bị gieo hạt theo cụm giảm ít nhất 50% so với cấy lúa bằng tay và 40% bằng máy (giảm từ 3.000.000 - 3.400.000 đồng/ha so với cấy lúa bằng tay và giảm từ 1.200.000 - 1.400.000 đồng/ha so với cấy lúa bằng máy);

- Lượng giống gieo trung bình từ 50 - 100 kg/ha, giảm ít nhất 20% so với sạ hàng (giảm từ 30 - 40 kg/ha);

- Tổ chức 01 hội thảo đầu bờ.

**Theo đó, kết quả thực hiện trong 15 tháng (từ tháng 03/2020 đến tháng 6/2021) đạt được như sau:**

- Kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp thiết bị: Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang đã chọn Công ty TNHH TM-DV Sài Gòn Kim Hồng là đơn vị cung cấp bộ thiết bị gieo hạt



*Vận hành bộ thiết bị gieo hạt lúa theo cụm được tích hợp 2 trong 1 với đầu máy cấy (ảnh trái);  
Lúa được 18 ngày sau khi cấy (ảnh phải)*

theo cụm. Công ty đã có nhiều năm nghiên cứu chế tạo về máy - thiết bị nông nghiệp; sản xuất, phân phối máy nông nghiệp; có đội ngũ kỹ thuật am hiểu về máy nông nghiệp; đặc biệt giá thiết bị hợp lý và chính sách bảo hành sản phẩm tốt.

- Kết quả lắp đặt thiết bị: 02 bộ thiết bị gieo hạt theo cụm do Công ty Hàn Quốc sản xuất đảm bảo các thông số kỹ thuật, được tích hợp 2 trong 1 với máy cấy Yamar và Kubota, chủ nhiệm và đơn vị cung cấp thiết bị đã hướng dẫn hộ tham gia cách lắp đặt thiết bị lên trên máy cấy hiệu quả, an toàn; điều chỉnh lượng hạt gieo trên cụm nhiều hay ít tùy vào đặc tính giống, bảo dưỡng và thay thế chổi quét theo thời gian vận hành.

- Kết quả vận hành thử nghiệm bộ thiết bị gieo hạt theo cụm:

Về các thông số trong sản xuất lúa: qua quá trình vận hành thiết bị gieo hạt tại 02 huyện Tịnh Biên và Phú Tân xác định được tốc độ gieo hạt phù hợp nhất của thiết bị là 0,25m/giây; lượng giống gieo trung bình 70kg/ha (giảm 30% so với sạ hàng) tại Tịnh

Biên và 60kg/ha (giảm 40% so với sạ hàng) tại huyện Phú Tân; hạt giống không nảy mầm sau gieo là  $\leq 1\%$ ; lượng nhiên liệu tiêu hao trung bình 3 - 5 lít dầu/ha; lượng phân bón sử dụng trung bình 500 - 520 kg/ha (ít hơn 40 - 50 kg/ha so với sạ hàng) và tổng diện tích gieo sạ đạt 260 ha/15 tháng.

Về chi phí gieo hạt lúa theo cụm: việc sử dụng phương pháp gieo hạt theo cụm giúp giảm chi phí khoảng 43% (tương đương giảm 1.233.000 đồng) so với cấy lúa bằng máy và tương đương giảm 71% (giảm 4.180.000 đồng) so với cấy lúa bằng tay.

Về năng suất: tỷ lệ nảy chồi (chồi/m<sup>2</sup>) của ruộng sử dụng thiết bị gieo hạt lúa theo cụm thấp hơn nhưng số hạt chắc trên bông cao hơn so với ruộng sạ hàng. Do đó, xét về năng suất lúa là tương đương nhau khi áp dụng hai phương pháp gieo sạ theo cụm và phương pháp sạ hàng.

Kết quả tuyên truyền, phổ biến mô hình: đã tổ chức 01 hội thảo tại xã Tân Lập, huyện Tịnh Biên với 20 đại biểu là cán bộ kỹ thuật và nông  
*(xem tiếp trang 38)*

## KẾT QUẢ MÔ HÌNH KHẢO NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG ĐẬU PHỘNG VỤ THU ĐÔNG 2021 TẠI XÃ VĂN GIÁO, HUYỆN TỊNH BIÊN

**Đ**ậu phộng (*Arachis hypogea* L.) là cây có nguồn gốc ở Nam Mỹ, có giá trị kinh tế cao. Trong các cây công nghiệp ngắn ngày đang được sản xuất ở Việt Nam, cây đậu phộng có một vị trí rất quan trọng. Đậu phộng là cây thực phẩm, cây có dầu quan trọng. Thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2021 về “*Khảo nghiệm, chuyển giao và nhân rộng các mô hình tiên tiến, hiệu quả phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh An Giang*”. Nhằm tìm kiếm một số giống đậu phộng mới có năng suất cao và chất lượng tốt để nhân rộng mô hình đến các hộ nông dân trên địa bàn tỉnh An Giang, thay thế một số giống đậu phộng của địa phương đã bị thoái hóa. Trong năm 2021, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa



Giống đậu phộng LDH.09 và Giống đậu phộng đối chứng



Giống đậu phộng LDH.09 và Giống đậu phộng L14

học và công nghệ An Giang đã liên kết với Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Nghiệp Duyên Hải Nam Trung Bộ cung cấp 02 bộ giống đậu phộng mới là giống đậu phộng L14 (có thời gian sinh trưởng: 120 - 135 ngày vụ xuân; 90 - 110 ngày vụ Thu Đông; năng suất 2,7 - 3,6 tấn/ha); giống đậu phộng LDH.09 (thời gian sinh trưởng từ 90 - 95 ngày, năng suất thực thu từ 2,4 - 4,5 tấn/ha). Trung tâm cũng đã liên kết với Viện Di truyền Nông Nghiệp cung cấp 02 bộ giống mới đậu phộng đen (CNC1) (thời gian sinh trưởng: 130 - 135 ngày trong vụ Xuân và 105 - 110 ngày trong vụ Thu Đông, năng suất đạt 2,7 - 3,5 tấn/ha), đậu phộng đen có vị ngọt, giàu chất dinh dưỡng hơn đậu phộng thường, còn được gọi là đậu phộng giàu selen; đậu phộng đỏ (thời gian sinh trưởng từ 90 - 95 ngày, năng suất thực thu từ 2,4 - 4,05 tấn/ha).





*Giống đậu phộng LDH.09 và Giống đậu phộng đen*



*Giống đậu phộng LDH.09 và Giống đậu phộng đỏ*

Đến ngày 15/8/2021, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN An Giang đã phối hợp với Trạm Khuyến nông huyện Tịnh Biên chọn hộ nông dân Châu San Át, tại xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên xuống giống khảo nghiệm một số giống đậu phộng (vụ Thu Đông 2021) gồm 4 bộ giống mới là đậu phộng LDH.09, đậu phộng L14, đậu phộng đỏ, đậu phộng đen (CNC1) và 1 giống đối chứng của địa phương (ĐP25).

Kết quả sau 3 tháng khảo nghiệm tại xã Văn Giáo bước đầu cho thấy về khả năng sâu bệnh hại của các giống khảo nghiệm tốt, thời gian sinh trưởng của các giống khảo nghiệm từ 95 - 105 ngày, cao hơn giống ĐP 25 khoảng 5 - 10 ngày. Kết quả mô hình khảo nghiệm cho thấy giống đậu phộng L14 có năng suất cao nhất 5,5 tấn/ha cao hơn giống đối chứng là 2,1 tấn/ha, giống đậu phộng LDH.09 4,8 tấn/ha cao hơn

giống đối chứng 1,4 tấn/ha, giống đậu phộng đỏ 4,05 tấn/ha và đậu phộng đen (CNC1) 3,8 tấn/ha cũng cao hơn giống đối chứng 0,3 - 0,6 tấn/ha và giống đối chứng ĐP25 thấp nhất 3,4 tấn/ha. Kết quả khảo nghiệm cho thấy các giống đậu phộng mới gồm đậu phộng L14; đậu phộng LDH.09; đậu phộng đỏ và đậu phộng đen (CNC1) đều sinh trưởng và phát triển tốt, ít sâu bệnh hơn giống đối chứng và năng suất cũng cao hơn các giống đối chứng. Trong những năm tiếp theo Trung tâm tiếp tục phối hợp với các Viện tìm kiếm khảo nghiệm một số giống mới để hỗ trợ địa phương mở rộng diện tích sản xuất giống đậu phộng chất lượng cao, nhằm thay thế một số giống đậu phộng năng suất và chất lượng thấp ở huyện Tịnh Biên./.

**Phương Anh**





## KẾT QUẢ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI MẶT HÀNG DẦU NHỜN ĐỘNG CƠ ĐỐT TRONG LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG AN GIANG NĂM 2021

**H**iện nay, trên địa bàn tỉnh An Giang có rất nhiều nhãn hiệu dầu nhờn động cơ lưu thông thị trường được bày bán từ các tổ chức/cá nhân kinh doanh xăng dầu, cửa hàng phụ tùng xe gắn máy với các nhãn hiệu như: Castrol, Petrolimex, MOTUL, Indo-Petrol, MaxPro1, Top1, TOTAL... các mặt hàng này chủ yếu được các tổ chức/cá nhân lấy từ các đại lý phân phối như: công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Nguyên Cường (huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh), Công ty TNHH TM-DV Minh An (huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), Công ty TNHH TM-DV Dũng Phương (TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang), Công ty TNHH MTV Nguyệt Vạn Phát (TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang), Công ty TNHH Chuyển Động Phẳng (TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang)...

Từ ngày 27/10/2021 đến ngày 08/11/2021, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành lập Đoàn khảo sát chất lượng dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường năm 2021 theo Quyết định số 36/QĐ-TĐC ngày 26/10/2021 của Chi cục trưởng Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Kết quả cụ thể như sau:

Đoàn khảo sát tiến hành khảo sát tại 10 tổ chức kinh doanh xăng dầu trên địa bàn thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc và các huyện Châu Thành, Thoại Sơn, Chợ Mới, Châu Phú; tiến hành mua 05 mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong để gửi thử nghiệm chất lượng tại



*Khảo sát và mua mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong tại các tổ chức kinh doanh xăng dầu*

Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.

Kết quả thử nghiệm 01 mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong hiệu MaxPro1 Super MX 5000 4T sản xuất ngày 24/08/2018, mẫu được mua tại Công ty TNHH MTV xăng dầu Lê Ngọc có chất lượng không phù hợp theo QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu nhờn động cơ đốt trong (chỉ tiêu Độ tạo bọt/mức ổn định 93,5°C của mẫu là 80/0 mL theo quy định QCVN).

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tiến hành gửi thông báo kết quả thử nghiệm của mẫu dầu nhờn động cơ đốt trong không đạt chất lượng đến Công ty TNHH MTV xăng dầu Lê Ngọc, đồng thời yêu cầu Quý Công ty

*(xem tiếp trang 40)*

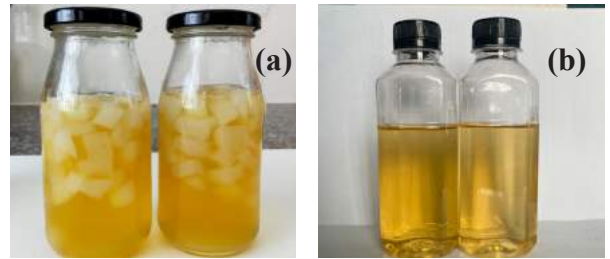
## NGHIÊN CỨU QUY TRÌNH CHẾ BIẾN ĐA DẠNG HÓA MỘT SỐ SẢN PHẨM TỪ NƯỚC THỐT NỐT

Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng “Nghiên cứu quy trình chế biến đa dạng hóa một số sản phẩm từ nước thốt nốt” được Phòng CNSH thực phẩm - dược phẩm & môi trường thuộc Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang thực hiện trong năm 2021.

Nhiệm vụ được thực hiện nhằm xây dựng 03 quy trình sản xuất sản phẩm từ nước thốt nốt - nguồn nguyên liệu đặc trưng của tỉnh An Giang. Những sản phẩm không những mang lại giá trị dinh dưỡng, hiệu quả kinh tế mà còn góp phần đa dạng hóa các dòng sản phẩm đặc trưng, phục vụ phát triển du lịch tỉnh nhà, đồng thời quảng bá hình ảnh về con người, văn hóa và đời sống vùng Thất Sơn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sản phẩm thạch thốt nốt, hàm lượng nước thốt nốt là 100% thích hợp cho sự phát triển của chủng *Acetobacter xylinum* trong quá trình lên men thạch thốt nốt. Thời gian lên men 14 ngày và tỷ lệ giống 14% thu được khối thạch có trọng lượng cao nhất là 94,26 g/ 200 ml. Qua 04 tháng đánh giá độ ổn định, thạch thốt nốt ngâm đường 60%, 70% và 80% sản phẩm đạt giá trị cảm quan tốt về màu sắc, mùi, vị, cấu trúc, tổng số vi khuẩn hiếu khí, tổng số nấm men - nấm mốc không phát hiện.

Đối với sản phẩm giấm thốt nốt, hàm lượng ethanol 4%, thời gian lên men là 12 ngày thích hợp cho sản phẩm giấm ăn đạt chất lượng cảm quan cao, hàm lượng acid acetic tổng đạt 4,38 g/100ml. Qua 04 tháng đánh giá độ ổn định sản phẩm, giấm đạt chất lượng tốt về màu sắc, mùi, vị, cấu trúc, hàm lượng acid acetic tổng dao động trong khoảng 3,98 - 4,38 g/100ml, tổng số vi khuẩn hiếu khí, tổng số nấm men - nấm mốc không phát hiện.



(a) Thạch thốt nốt; (b) Giấm thốt nốt; (c) Sữa chua uống bổ sung nước thốt nốt

Trong quy trình chế biến sữa chua uống men sống từ nước thốt nốt, hàm lượng nước thốt nốt 60% đảm bảo được chất lượng cảm quan sản phẩm sữa chua uống thốt nốt tốt. Tỷ lệ men cái bổ sung 7% và thời gian lên men 7h cho kết quả cảm quan tốt (màu trắng nhạt của sữa, vị hơi chua ngọt dịu, có mùi thơm nước thốt nốt nhẹ, trạng thái đồng nhất không bị tách lớp) và hàm lượng acid lactic đạt 0.48 mg/100 ml. Sản phẩm bảo quản được 8 tuần trong điều kiện nhiệt độ lạnh (4°C - 10°C).

Sau khi hoàn chỉnh quy trình sản xuất, đã xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm giấm và thạch thốt nốt. Cơ sở sản xuất của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang đã được chứng nhận đủ điều kiện ATTP: số 019/2021/NNPTNT – AG cấp bởi Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản./.

Phòng CNSH thực phẩm - dược phẩm và môi trường  
Trung tâm CNSH tỉnh An Giang

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG NĂM 2021

**T**heo Kế hoạch số 03/KH-SKHCN ngày 08/01/2021 của Sở Khoa học và Công nghệ về Kế hoạch tuyên truyền KH&CN tỉnh An Giang. Trong năm 2021, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (TCĐLCL) đã triển khai công tác tuyên truyền về lĩnh vực hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng như sau:

- Cung cấp thông tin tuyên truyền cho tòa soạn của Báo An Giang thực hiện 03 chuyên mục về (xây dựng, chuyển đổi, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; cảnh giác các mặt hàng dầu nhớt động cơ đốt trong nghi vấn giả và không đảm bảo chất lượng; thông tin về 02 doanh nghiệp tại tỉnh An Giang đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2020 (Công ty TNHH Đông Dược Xuân Quang và Công ty CP xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang).

- Thực hiện 01 chuyên mục trên Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang về “Khảo sát chất lượng và nhãn hàng hóa đối với mặt hàng trà và cà phê lưu thông trên thị trường năm 2021”.

Đồng thời, cập nhật thường xuyên lên website TBTAGi 1.283 tin phù hợp với thực tế tình hình sản xuất, kinh doanh của địa phương, giúp tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh nắm được những thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn, những



*Tổ chức phổ biến các quy định về nhãn hàng hóa và mã số mã vạch*

quy định có liên quan đến các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết, nhận biết các hàng hoá có dấu hiệu không phù hợp với quy định.

Bên cạnh đó, còn kết hợp tuyên truyền pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn như: công tác kiểm tra, khảo sát hàng hóa, công tác dán tem công tơ tổng cột đo xăng dầu... tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, cơ sở, doanh nghiệp liên quan tiếp cận, nắm bắt kịp thời các thông tin quy định về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên nhiều phương tiện.

Qua Hội nghị, Hội thảo, tập huấn về KH&CN trong năm Chi cục phối hợp với Công ty TNHH Tứ Sơn Châu Đốc (Siêu thị Tứ Sơn) tổ chức 01 lớp tập huấn các quy định về nhãn hàng hóa, mã số mã vạch và truy xuất

nguồn gốc với hơn 100 đại biểu tham gia là lãnh đạo và nhân viên của siêu thị.

### **Định hướng công tác tuyên truyền năm 2022:**

- Phối hợp triển khai Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền về KH&CN phục vụ định hướng phát triển của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch tuyên truyền KH&CN năm 2022.

- Viết tin bài liên quan đến hoạt động của đơn vị đăng trên Cổng thông tin website TBT-AGi. Tiếp tục cập nhật các thông tin về TBT từ Văn phòng TBT Việt Nam và các bộ, ngành liên quan liên quan đến rào cản kỹ thuật ảnh hưởng đến hàng hóa của tỉnh; các tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý chất lượng, các quy định của các bộ, ngành liên quan đến sản xuất, hàng hoá trong tỉnh.

- Tham gia các lớp tuyên truyền, tập huấn của Sở Khoa học và Công nghệ triển khai văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan đến hoạt động KH&CN cho công chức tại cơ quan.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hội nghị triển khai, phổ biến các văn bản về năng suất chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (dự kiến 04 đợt); tổ chức lớp đào tạo, tập huấn tập trung cho các cán bộ tham gia hoạt động đo lường của doanh nghiệp (dự kiến 01 lớp)/.

**Hoa Lý**

*(tiếp theo trang 32)*

dân tại địa phương tham dự. Qua hội thảo nông dân đánh giá cao về thiết bị đã góp phần giảm lượng giống gieo sạ, thích hợp để ứng dụng vào mùa vụ gieo trồng ít mưa để giảm chi phí so với phương pháp cấy lúa.

Dự án triển khai khả thi về mặt tài chính, mang lại lợi nhuận cho chủ đầu tư. Với mức thu dịch vụ từ 900.000 - 1.000.000 đồng/ha, người dân khi đầu tư 01 thiết bị gieo hạt theo cụm trung bình thực hiện 200 - 300 ha có thể thu hồi vốn trong vòng 02 năm.

Nhìn chung, ứng dụng thành công thiết bị gieo hạt lúa theo cụm đã góp phần tăng hiệu quả trong sản xuất lúa, giải phóng được lao động nặng nhọc, nâng cao tổ chức sản xuất

nông nghiệp theo hướng hiện đại, tập trung, hình thành các loại hình dịch vụ hiệu quả ở nông thôn. Lúa được gieo theo cụm có mật độ chuẩn, thoáng theo hàng và bụi nên dễ kiểm soát cỏ dại, sâu, bệnh, từ đó ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, điều này sẽ góp phần bảo vệ môi trường. Ngoài ra, việc thử nghiệm bộ thiết bị gieo hạt tại từng địa phương với địa hình, điều kiện tự nhiên khác nhau cũng tạo cơ sở khuyến cáo về kỹ thuật canh tác lúa (tốc độ gieo, mật độ gieo sạ, khoảng cách gieo) để người dân tại mỗi huyện ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào trong sản xuất lúa hiệu quả hơn./.



## HỘI THẢO QUỐC GIA VỀ “ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG ĐỀ ÁN HỖ TRỢ KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025”

Sáng ngày 26/11/2021 Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học & công nghệ và Văn phòng đề án 844 phối hợp với các đơn vị tổ chức hội thảo “Định hướng nội dung hoạt động đề án Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2021 - 2025”, hội thảo nhằm tăng cường liên kết giữa Bộ Khoa học và Công nghệ với các địa phương, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trong việc triển khai Đề án 844 và các nội dung được điều chỉnh, bổ sung theo quyết định hiện Quyết định số 188/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 09/2/2021 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”; thêm vào đó đây cũng là diễn đàn lấy ý kiến đóng góp cho các văn bản quy phạm pháp luật về việc triển khai Đề án 844 để kiến nghị, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với định hướng triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025.

Hội thảo do ông Ông Phạm Dũng Nam - Giám đốc Văn phòng đề án 844, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì với 2 hình thức tham dự:

+ Tham dự trực tiếp tại trụ sở của Bộ Khoa học và Công nghệ gồm: Thành viên Ban điều hành Đề án 844; Cục phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ,

Văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia và Văn phòng Đề án 844, Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Tham dự theo hình thức trực tuyến với 300 điểm cầu gồm: Lãnh đạo và các đầu mối triển khai Đề án 844 và hoạt động khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương, Lãnh đạo các Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành địa phương có liên quan, Lãnh đạo các Viện, trường có các hoạt động khởi nghiệp, các đơn vị triển khai nhiệm vụ Đề án 844 giai đoạn 2016 - 2021 và các cá nhân, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp trên toàn quốc.

Riêng tại điểm cầu của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang có ông Tăng Phú An - Giám đốc Sở và các đơn vị có liên quan tham dự.

Tại Hội thảo các đại biểu đã nghe các tham luận về: tổng quan các loại hình nhiệm vụ đề án 844 và những điểm mới của Quyết định 188; Đề xuất hướng triển khai các nhóm nhiệm vụ Đề án 844 giai đoạn 2021 - 2025, Đề xuất, góp ý cơ chế tài chính mới cho Đề án giai đoạn 2021 - 2025... Đồng thời tại đây các đại biểu cũng được một số chuyên gia và các tổ chức triển khai thực tế đề án này chia sẻ một số kinh nghiệm như: lựa chọn các thành viên tham gia nhóm khởi nghiệp thì cần có nhiều thế mạnh ở nhiều lĩnh vực khác nhau, tăng cường học hỏi và lắng nghe nhiều hơn từ ý kiến các chuyên

gia, cần sự ủng hộ của các cấp lãnh đạo trong quá trình thực hiện... cũng như các ý kiến đóng góp về định hướng triển khai trong thời gian tới của một số địa phương.

Phát biểu kết luận Hội thảo ông Ông Phạm Dũng Nam đánh giá cao về việc hợp tác để triển khai thực hiện khá tốt Đề án 844 trong thời gian qua của các tổ chức, cá nhân; cũng như ghi nhận những thông tin, những ý kiến

đóng góp của các chuyên gia, các địa phương và các tổ chức có liên quan để quá trình triển khai tiếp theo của đề án mang lại hiệu quả cao hơn và đóng góp nhiều cho sự phát triển chung của đất nước; ông Nam cũng khẳng định thêm rằng sẽ đề xuất với các Bộ, ngành có liên quan tiếp thu các kiến nghị tại hội thảo này và xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với định hướng triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025./.

**Công Kha**

*(tiếp theo trang 35)*

chủ động liên hệ với đơn vị cung cấp lô hàng hoá cùng loại với mẫu nêu trên để có biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa kinh doanh tại doanh nghiệp.

Qua kết quả khảo sát thực tế cho thấy đa số các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đã nâng cao ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng dầu nhờn động cơ đốt trong trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên vẫn còn 01 trường hợp kinh doanh dầu nhờn động cơ đốt trong có chất lượng không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Theo đó cho thấy, tình hình kinh doanh mặt hàng dầu nhờn động cơ đốt trong vẫn còn khá

phức tạp, một số bộ phận người bán hàng trôi nổi không rõ nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng, chủ yếu tập trung tại các huyện biên giới, khu vực vùng sâu, vùng xa. Do đó, công tác quản lý tổ chức tuyên truyền góp phần nâng cao ý thức cho các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh dầu nhờn động cơ đốt trong. Đồng thời, thực hiện thường xuyên công tác khảo sát chất lượng dầu nhờn động cơ đốt trong lưu thông trên thị trường nhằm phòng ngừa và phát hiện xử lý kịp thời hành vi vi phạm, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước của ngành tại địa phương, bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng./.

**Hoa Lý**

*Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc. Mọi ý kiến, góp ý vui lòng gửi đến Toà soạn:*

*- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.*

*- Điện thoại: 0939 007676 (Hà Thị Mỹ Trang - Thư ký)*

*- Email: bantinkhcnag@gmail.com*

*Chân thành cảm ơn!*

# HƯỚNG DẪN XÔNG MŨI HỌNG BẰNG TINH DẦU

Nhằm hỗ trợ sát khuẩn hô hấp cho người bị nhiễm SAR-Cov-2 không có triệu chứng,  
Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN phối hợp với Hội Đồng y tỉnh An Giang  
hướng dẫn xông mũi họng bằng tinh dầu:

## VỆ SINH VÀ XOA MŨI TRƯỚC KHI XÔNG

**1. Rửa sạch nước mũi**  
và thực hiện một số  
động tác dưỡng sinh  
nhằm tăng hiệu quả  
điều trị

**2. Vuốt hai bên cạnh mũi**  
từ 5 đến 10 lần



**3. Day hai bên cạnh mũi**  
từ 5 đến 10 lần



**4. Dùng ngón trỏ và ngón cái**  
nắm đầu mũi và lắc nhẹ  
từ 5 đến 10 lần



## THỰC HIỆN XÔNG MŨI HỌNG

**1. Rót vào bình giữ nhiệt**  
0,5 lít nước sôi  
(khoảng 1/3 bình)



**2. Nhỏ vào 3-4 giọt tinh dầu trầm**  
hoặc 1-2 giọt tinh dầu chúc



**3. Rót tiếp 0,5 lít nước sôi**  
vào bình giữ nhiệt  
(khoảng 2/3 bình)



**4. Đặt mũi và miệng cách mặt nước xông**  
khoảng 20cm, người xông có thể  
điều chỉnh khoảng cách thích hợp  
cho dễ chịu



**5. Hít vào mạnh bằng mũi miệng**  
sau đó thở ra nhẹ nhàng.  
Thực hiện xông  
khoảng 3 đến 5 phút



**6. Sau khi xông đóng nắp bình giữ nhiệt**  
để giữ nước nóng cho lần xông tiếp theo  
(nếu nước nguội thì thay bằng nước sôi mới)  
và sử dụng khăn khô, sạch để lau mặt



- Mỗi ngày xông 04 lần: vào lúc 6h - 10h - 14h - 18h.
- Cần thận trọng khi xông.
- Uống 1 cốc nước ấm sau khi xông.
- Trong quá trình xông nếu có những biểu hiện bất thường như khó thở, ho, sốt hơn 38,5 độ C, ... thì ngừng xông và báo cho cán bộ y tế để được xử lý kịp thời.

**LƯU Ý:**

### THÔNG TIN CẦN BIẾT

#### SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

Đường dây nóng tiếp nhận phản ánh vi phạm đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ Chánh Thanh tra: 0918 309806

☎ Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

#### CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (IP VIỆT NAM)

☎ 386 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

☎ (024) 38583069, (024) 38583425, (024) 38583793, (024) 38585156

#### VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

☎ Lầu 7, tòa nhà Hà Phan, số 17 - 19 Tôn Thất Tùng, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ (028) 39208483 hoặc (028) 39208485

#### CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 3955300

☎ http://tbtagi.angiang.gov.vn

#### TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC AN GIANG

☎ 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 6504499

☎ https://congghesinhhoc-biotech.vn

#### TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

☎ 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎ (0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306

☎ https://agitech.vn ☎ https://atte.vn



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG** là dấu hiệu để người tiêu dùng nhận biết nguồn gốc các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh An Giang được sản xuất trên cơ sở áp dụng những quy trình, quy chuẩn theo hướng an toàn



Mọi thắc mắc về Nhãn hiệu chứng nhận An Giang vui lòng liên hệ:

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

☎ (0296) 3955 300    🌐 [tbtagi.angiang.gov.vn](http://tbtagi.angiang.gov.vn)